BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 09/2026
Từ 09/3 - 13/3/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ PHẢI HƯỚNG MẠNH VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG BÀI TOÁN THỰC TIỄN

Chiều ngày 12/3/2026, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) tổ chức Phiên họp thứ nhất năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo. Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo, chủ trì phiên họp.

Tổng Bí thư Tô Lâm chủ trì Phiên họp thứ nhất năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. (Ảnh: Đăng Khoa)

Tổng Bí thư Tô Lâm ghi nhận, sau hơn 1 năm triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhận thức trong hệ thống chính trị và toàn xã hội có chuyển biến rõ nét. Các bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều chương trình, kế hoạch công tác, từng bước gắn khoa học, công nghệ và chuyển đổi số với các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, một số nơi có cách làm sáng tạo, hiệu quả. Thể chế, cơ chế, chính sách được quan tâm hoàn thiện. Nhiều nhiệm vụ về xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển hạ tầng số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ chiến lược và đào tạo nguồn nhân lực được triển khai đồng bộ hơn.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đặt ra vẫn còn rất nhiều việc phải làm, đòi hỏi chuyển mạnh hơn nữa từ "triển khai nhiệm vụ" sang "tạo ra kết quả thực chất, đo lường được"; từ cách làm phân tán, dàn trải sang tập trung nguồn lực để giải quyết các bài toán lớn có ý nghĩa chiến lược của quốc gia.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Định hướng nhiệm vụ trong thời gian tới, Tổng Bí thư Tô Lâm nêu rõ, cần tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương, quan điểm của Đại hội XIV về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là động lực chủ yếu của phát triển đất nước, xác lập mô hình tăng trưởng mới gắn với tăng trưởng 2 con số. Các bộ, ngành, địa phương phải rà soát bổ sung và thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ của năm 2026; khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ cấp bách của quý I và 125 nhiệm vụ chậm tiến độ từ thời gian trước; tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ 7 điểm nghẽn cốt lõi đã chỉ ra.

Phát triển khoa học, công nghệ phải hướng mạnh vào việc giải quyết những bài toán thực tiễn của nền kinh tế. Các bộ, ngành, địa phương cần tập trung chỉ đạo thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ngay trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng doanh nghiệp; rà soát, đánh giá các công nghệ đang sử dụng trên các lĩnh vực sản xuất để có biện pháp nâng cấp, chuyển đổi, tạo ra năng suất lao động cao hơn.

Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Bộ Tư pháp, các cơ quan khẩn trương rà soát toàn diện pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để bổ sung vào định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và Chiến lược xây dựng, hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn tới. Những vấn đề cấp bách cần tháo gỡ sớm thì bổ sung nội dung vào Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI.

Những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các bộ, ngành thì phải ban hành ngay, nhất là những nội dung liên quan đến cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), cơ chế tài chính linh hoạt... Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành liên quan đến quản lý, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, bảo đảm sát thực tiễn, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương tới cấp xã.

Tổng Bí thư Tô Lâm đề nghị tập trung phát triển các hạ tầng nền tảng, các công nghệ chiến lược; ưu tiên đầu tư hạ tầng dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu lớn và nền tảng số dùng chung, hạ tầng nghiên cứu-phát triển và các phòng thí nghiệm trọng điểm, hạ tầng đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp... Triển khai mạnh mẽ hơn nữa các chương trình, kế hoạch chiến lược; coi công nghệ chiến lược là trụ cột tạo đột phá tăng trưởng, là thước đo năng lực làm chủ công nghệ và khẳng định tầm vóc, trí tuệ con người Việt Nam.

Cần có chính sách mạnh mẽ hơn để đào tạo, thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhất là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, khoa học dữ liệu, an ninh mạng và các công nghệ nền tảng...; tiếp tục đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cho người dân.

Nhấn mạnh vấn đề kỷ luật thực thi trong triển khai thực hiện, Tổng Bí thư yêu cầu người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả; chịu trách nhiệm cao nhất về việc đăng ký, giải ngân và bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực kinh phí cho các nhiệm vụ được giao. Các Đảng ủy ở Trung ương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời, quán xuyến chỉ đạo theo "ngành dọc" đến cấp xã. Đối với những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn lớn nhất hiện nay về dữ liệu, nền tảng dùng chung, hạ tầng, thiết bị, nguồn nhân lực, cơ chế tài chính..., cần phải chỉ đạo quyết liệt, tháo gỡ bằng được.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; biểu dương những điển hình tiên tiến, cách làm hay, sáng tạo để nhân rộng; công khai những cơ quan, đơn vị triển khai chưa đạt kết quả theo yêu cầu để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tạo sự chuyển biến thực chất. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc đánh giá độc lập và đề xuất Thường trực Ban Chỉ đạo giao các cơ quan chức năng kiểm tra chéo chất lượng hạ tầng nền tảng, dữ liệu, chất lượng cung cấp dịch vụ công của các bộ, ngành, địa phương.

Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong năm 2026 rất cấp bách, khối lượng công việc lớn, đòi hỏi phải khẩn trương tháo gỡ điểm nghẽn, tạo ra kết quả cụ thể, đóng góp vào tăng trưởng chung quốc gia. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải hành động quyết liệt, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa chỉ đạo và tổ chức thực hiện, tạo ra chuyển biến ngay từ những tháng đầu, quý đầu của năm.

Đối với các kiến nghị mà các bộ, ngành nêu tại phiên họp cần phải chỉ rõ được địa chỉ giải quyết và có lộ trình giải quyết rõ ràng, không để tình trạng kiến nghị chung chung. Trước mắt, Đảng ủy Chính phủ khẩn trương chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng 31 nghị định hướng dẫn các luật, nghị quyết của Quốc hội đã ban hành năm 2025. Bộ Khoa học và Công nghệ tái cấu trúc lại các chương trình nghiên cứu khoa học để tránh dàn trải và nâng cao hiệu quả.

Nguồn: nhandan.vn

CHUYỂN TƯ DUY ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TỪ "PHÁP LUẬT TỐT TRONG VĂN BẢN" SANG "PHÁP LUẬT TỐT TRONG CUỘC SỐNG"

Ngày 11/3/2026, tại Hà Nội, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật (Ban Chỉ đạo) tổ chức phiên họp quý I/2026. Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng ban Chỉ đạo, chủ trì phiên họp.

Tại Phiên họp, các đại biểu đã cho ý kiến về 5 nội dung: Dự thảo Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI; dự thảo Đề cương Đề án "Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới"; Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa chủ trương của Đảng về an toàn thực phẩm; Báo cáo kết quả công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật trong thời gian qua và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

Nêu ý kiến tại Phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cơ bản nhất trí với các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong định hướng xây dựng pháp luật giai đoạn 2026-2031, tầm nhìn đến năm 2045 với 8 định hướng lớn và 159 nhiệm vụ.

Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho rằng, cần xác định các thứ tự ưu tiên. Theo đó, xác định rõ trọng tâm là triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng cùng với các nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị; tập trung xử lý những vấn đề đã đặt ra nhưng chưa thực hiện được cũng như quán triệt và cụ thể hóa các chỉ đạo gần đây của Tổng Bí thư.

Song song với đó, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định liên quan đến mô hình chính quyền ba cấp; hoàn thiện thể chế nhằm phục vụ mục tiêu tăng trưởng hai con số trong bối cảnh tình hình hiện nay còn nhiều khó khăn, thách thức.

Về quan điểm chỉ đạo, công tác xây dựng thể chế cần phục vụ mục tiêu kiến tạo phát triển, đồng thời phải biến hệ thống pháp luật thành lợi thế cạnh tranh, như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh từ những "điểm nghẽn" của thể chế cần chuyển hóa thành lợi thế cạnh tranh về pháp luật. Ngoài ra, cần tích hợp hai chiến lược về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải cách tư pháp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Chiến lược mới cần có tư duy mạnh dạn và đổi mới hơn nữa, mở rộng phạm vi và đối tượng điều chỉnh so với các nghị quyết trước đây…

Về Nghị quyết số 68-NQ/TW, Thủ tướng cho rằng, cần phân cấp, phân quyền nhiều hơn nữa cho địa phương; phân cấp, phân quyền phải đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường giám sát. Đồng thời, phải quyết liệt cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính, giấy phép con không cần thiết…

Đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh nguyên tắc bất biến, sức khỏe và tính mạng của người dân là trên hết. Cần xây dựng các hàng rào kỹ thuật để kiểm soát chặt chẽ, đồng thời nghiên cứu mô hình một cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm để khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo hiện nay.

Kết luận phiên họp, Tổng Bí thư Tô Lâm đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, sự chủ động, nỗ lực của các cơ quan trong quá trình chuẩn bị các nội dung báo cáo, đề án trình tại phiên họp. Đề nghị các cơ quan tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ ý kiến của các Thành viên Thường trực Ban Chỉ đạo và các đại biểu tham dự phiên họp để chỉnh lý, hoàn thiện các nội dung được báo cáo, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu, về dự thảo Đề án Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, trong quá trình hoàn thiện Đề án, cần đặc biệt chú trọng việc thể chế hóa ngay trong năm 2026 những nội dung cốt lõi, quan trọng của Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; đồng thời, bảo đảm đồng bộ với Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Về Đề cương Đề án chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới, Thường trực Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất và giao Đảng ủy Bộ Tư pháp tiếp thu ý kiến để hoàn thiện đề cương, tổ chức nghiên cứu, xây dựng Đề án, báo cáo Ban Chỉ đạo vào phiên họp tiếp theo.

Việc xây dựng đề án phải có cách tiếp cận toàn diện, hệ thống, có cơ sở lý luận vững chắc, gắn với việc tổng kết thực tiễn sâu sắc và tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với tình hình thực tiễn Việt Nam. Kết quả nghiên cứu phải là bản thiết kế tổng thể của hệ thống pháp luật, bao quát được đầy đủ các lĩnh vực đời sống, thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, thúc đẩy kiến tạo phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tổng Bí thư Tô Lâm lưu ý trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Đề án cần bảo đảm gắn kết chặt chẽ với nội dung Đề án "Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới" và Đề án Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tổng kết, sửa đổi tổng thể Hiến pháp năm 2013.

Về báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Tô Lâm đề nghị: "Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết số 68-NQ/TW và các nghị quyết chiến lược khác của Trung ương; hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ pháp luật; bảo đảm các nguồn lực về đất đai, vốn, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn; rà soát, đánh giá tính hiệu quả, khả thi của các giải pháp đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung sát với tình hình thực tiễn và sớm hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế thực thi hiệu quả để giúp cá nhân, hộ kinh doanh trở thành doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp nhỏ và vừa trở thành các doanh nghiệp lớn; các doanh nghiệp lớn phải trở thành các tập đoàn ngang tầm khu vực và quốc tế".

Về Báo cáo chuyên đề về cơ chế, chính sách, giải pháp lớn để thể chế hóa chủ trương của Đảng về an toàn thực phẩm, Thường trực Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với đánh giá và đề xuất nêu trong báo cáo của Đảng ủy Bộ Y tế. Quan điểm xuyên suốt trong hoàn thiện cơ chế, chính sách an toàn thực phẩm là bảo đảm tốt nhất sức khỏe nhân dân, đồng thời phải xử lý nghiêm các sai phạm liên quan đến sản xuất, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm chất lượng, làm ảnh hưởng sức khỏe người dân.

Đề nghị Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan tập trung rà soát tổng thể các quan điểm, chủ trương của Đảng về an toàn thực phẩm được thể hiện trong Chỉ thị 17-CT/TW của Ban Bí thư và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nông nghiệp, nông dân và nông thôn, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh tế tư nhân…;

Bên cạnh đó, tập trung nguồn lực sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thực phẩm. Mục tiêu là xây dựng một khung pháp lý quản lý an toàn thực phẩm hiện đại, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, chuyển mạnh từ tư duy quản lý an toàn thực phẩm từ kiểm soát từng khâu riêng lẻ sang quản lý toàn bộ chuỗi giá trị thực phẩm.

Quá trình sửa đổi, bổ sung luật và các quy định khác về an toàn thực phẩm phải bảo đảm sự tham gia đầy đủ các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp, bảo đảm đầy đủ, sẵn sàng các điều kiện vật chất, kỹ thuật, nhân lực để tổ chức thực thi pháp luật...

Về báo cáo kết quả công tác hoàn thiện thể chế pháp luật trong thời gian qua, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới, Tổng Bí thư Tô Lâm ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan trong việc đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, kịp thời thể chế hóa các chủ trương lớn của Đảng, hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện theo tư duy mới, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khơi dậy, thúc đẩy sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất và khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển, tháo gỡ những vướng mắc, kìm hãm phát triển, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư kinh doanh.

Tổng Bí thư Tô Lâm đề nghị các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo, các cơ quan phối hợp chặt chẽ để khắc phục các tồn tại, tập trung thực hiện hiệu quả chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương lớn của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các nghị quyết khác của Trung ương và của Bộ Chính trị, phục vụ cho sự phát triển của đất nước.

Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu, quá trình xây dựng pháp luật phải được chuẩn bị kỹ lưỡng ngay từ khâu xây dựng chính sách, dựa trên tổng kết thực tiễn, tham vấn rộng rãi người dân, doanh nghiệp và các chuyên gia, các nhà khoa học, kể cả nước ngoài. Đồng thời chú trọng nâng cao hiệu quả tổ chức thực hành, thực thi pháp luật, bảo đảm pháp luật thực sự đi vào cuộc sống; bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả từ "pháp luật tốt trong văn bản" sang "pháp luật tốt trong cuộc sống".

Nguồn: nhandan.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH: THÍ ĐIỂM ÁP DỤNG KPI VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Ngày 10/3/2026, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì cuộc họp của Thường trực Chính phủ cho ý kiến vào dự thảo Đề án thí điểm thực hiện đánh giá, chấm điểm (KPI) về công tác xây dựng pháp luật và một số nội dung quan trọng khác.

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã xây dựng dự thảo Đề án thí điểm thực hiện đánh giá, chấm điểm (KPI) về công tác xây dựng pháp luật, bao gồm cả việc đánh giá, chấm điểm về ban hành các văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết.

Một số nội dung chính của Đề án gồm tiêu chí, nhóm văn bản đánh giá, chấm điểm; nguyên tắc đánh giá, chấm điểm; phạm vi áp dụng; tổ chức thực hiện. Dự kiến, kết quả chấm điểm theo Đề án cũng sẽ được tích hợp vào việc chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

Sau khi nghe các báo cáo, ý kiến, phát biểu kết luận, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính hoan nghênh Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ đã triển khai nhiệm vụ được giao; chỉ

đạo tiến hành thí điểm thực hiện đánh giá, chấm điểm trong 2 năm với tinh thần vừa làm rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ các mục tiêu khi xây dựng, triển khai Đề án là: Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đánh giá, chấm điểm, động viên, khuyến khích, khen thưởng những nơi làm tốt và phê bình, xử lý những nơi làm không tốt; kiểm soát các công việc về tiến độ, chất lượng, đáp ứng các yêu cầu của Chính phủ, phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, công tác phối hợp với Quốc hội.

KPI là công cụ để Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ điều hành trên cơ sở dữ liệu; thời gian đánh giá là định kỳ hằng quý, 6 tháng và 1 năm, có đánh giá chuyên đề. Đối tượng đánh giá gồm: Tiến độ; chất lượng; phát hiện vướng mắc, giải quyết vướng mắc; sáng kiến thể chế, lập pháp; kết quả thực hiện và tác động.

Về phương pháp, phải có tiêu chí đánh giá chung tất cả các cơ quan trong Chính phủ, cập nhật "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung".

*Cùng ngày, Thường trực Chính phủ đã họp, cho ý kiến về rà soát, kiểm điểm việc ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, pháp lệnh, nghị quyết.

Kết luận nội dung này, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ghi nhận, biểu dương nỗ lực của các bộ, ngành, cơ quan trong công tác xây dựng pháp luật nói chung và ban hành các văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết nói riêng.

Trong nhiệm kỳ khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua 179 luật, pháp lệnh, nghị quyết - gấp hơn 2 lần so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV, riêng năm 2025 là khoảng 90 luật, nghị quyết; kịp thời thể chế hóa các chủ trương của Đảng, đặc biệt là các nghị quyết của Bộ Chính trị về các lĩnh vực chiến lược, trụ cột; cơ bản tháo gỡ nhiều điểm nghẽn do các quy định pháp luật theo tinh thần Nghị quyết 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nêu rõ mục tiêu khẩn trương hoàn thành việc ban hành các văn bản quy định chi tiết các luật, pháp lệnh, nghị quyết có hiệu lực từ 01/01 - 01/4/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo nhiều giải pháp tổng thể như trình ban hành theo thủ tục rút gọn, nội dung đi thẳng vào vấn đề cần xử lý; huy động nguồn lực con người của các bộ, ngành với tinh thần làm việc quyết liệt, "làm ngày làm đêm"; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo; có biện pháp khuyến khích phù hợp với đội ngũ cán bộ tham gia công tác này.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỀ XUẤT MỚI TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI NỘP HỒ SƠ KHAI THUẾ

Tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính đề xuất quy định mới về trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế.

Bộ Tài chính cho biết, trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế (tại Điều 11 của dự thảo) gồm 11 khoản kế thừa khoản 3 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 91/2022/NĐ-CP).

Trong đó, nội dung bổ sung mới: (1) Bổ sung quy định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có mức doanh thu hàng năm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và thuộc đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chính sách thuế, quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải nộp hồ sơ khai thuế; (2) Bổ sung quy định người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế đối với nghĩa vụ thuế phát sinh sau thời điểm nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế; (3) Bổ sung quy định người khai thuế thu nhập cá nhân phải nộp hồ sơ khai thuế trong trường hợp tháng, quý cuối cùng trong năm hoặc tháng, quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động không phát sinh việc khấu trừ thuế và thuộc trường hợp không phải quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân của tháng, quý cuối cùng trong năm hoặc tháng, quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động; (4) Bổ sung trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với tổ chức, cá nhân là bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài theo quy định của pháp luật thuế và thực hiện khai thuế theo tháng mà trong tháng đó không phát sinh việc khấu trừ thuế; (5) Bổ sung quy định người nộp thuế thuộc diện được hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng không phải nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng trong trường hợp là tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam; (6) Bổ sung quy định người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế trường hợp việc tính thuế, khoản thu khác, thông báo thuế, khoản thu khác do cơ quan quản lý thuế thực hiện mà cơ quan thuế đã kết nối, sử dụng được thông tin có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, phiếu chuyển thông tin do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến đảm bảo đủ căn cứ để tính thuế, khoản thu khác; (7) Bên Việt Nam phát sinh việc trả thu nhập cho tổ chức, cá nhân nước ngoài từ đầu tư trái phiếu quốc tế của Chính phủ Việt Nam, từ các khoản cho vay đối với Nhà nước, Chính phủ Việt Nam thuộc trường hợp không chịu thuế giá trị gia tăng và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thì không phải nộp hồ sơ

khai thuế; (8) Bên cho vay nước ngoài không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với thu nhập từ các khoản cho vay đối với Nhà nước, Chính phủ Việt Nam.

Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: Sửa đổi quy định cá nhân có thu nhập được miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân không phải nộp hồ sơ khai thuế trừ trường hợp phải nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Bộ Tài chính.

Nội dung kế thừa: Quy định không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với: Người nộp thuế chỉ có hoạt động, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế; doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; người nộp thuế đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế; người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý; tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công; người nộp thuế thuộc diện được hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế

Cụ thể, theo dự thảo, người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với từng loại thuế trong các trường hợp sau đây:

1. Người nộp thuế chỉ có hoạt động, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế trừ trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có mức doanh thu hàng năm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và thuộc đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chính sách thuế, quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2. Cá nhân có thu nhập được miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân trừ trường hợp phải nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu thì không phải nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng.

4. Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

5. Người nộp thuế đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ hồ sơ quyết toán thuế đến thời điểm chấm dứt hiệu lực mã số thuế và hồ sơ khai thuế đối với nghĩa vụ thuế phát sinh sau thời điểm nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

6. Người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý mà trong tháng, quý đó không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của đối tượng nhận thu nhập.

Trường hợp tháng, quý cuối cùng trong năm hoặc tháng, quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động không phát sinh việc khấu trừ thuế và thuộc trường hợp không phải quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân của tháng, quý cuối cùng trong năm hoặc tháng, quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.

7. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì không phải nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.

8. Tổ chức, cá nhân là bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài theo quy định của pháp luật thuế và thực hiện khai thuế theo tháng mà trong tháng đó không phát sinh việc khấu trừ thuế.

9. Người nộp thuế thuộc diện được hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng không phải nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng trong các trường hợp sau:

a) Chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính (bao gồm cả văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam), tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) không hoàn lại (bao gồm cả văn phòng điều hành của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án do nhà tài trợ chỉ định);

b) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam;

c) Tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

10. Trường hợp việc tính thuế, khoản thu khác, thông báo thuế, khoản thu khác do cơ quan quản lý thuế thực hiện mà cơ quan thuế đã kết nối, sử dụng được thông tin có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, phiếu chuyển thông tin do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến đảm bảo đủ căn cứ để tính thuế, khoản thu khác thì người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác. Cục Thuế công bố công khai loại hồ sơ khai thuế, khoản thu khác đủ điều kiện thực hiện theo quy định tại khoản này trên Hệ thống thông tin quản lý thuế.

11. Bên Việt Nam phát sinh việc trả thu nhập cho tổ chức, cá nhân nước ngoài từ đầu tư trái phiếu quốc tế của Chính phủ Việt Nam, từ các khoản cho vay đối với Nhà nước, Chính phủ Việt Nam thuộc trường hợp không chịu thuế giá trị gia tăng và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thì không phải nộp hồ sơ khai thuế.

Nguồn: baochinhphu.vn

THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA, HƯỚNG ĐẾN HÌNH THÀNH QUỐC GIA SỐ

Bộ Khoa học và Công nghệ đang lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Chuyển đổi số nhằm hình thành hành lang pháp lý đồng bộ, tổng thể điều chỉnh và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia, hướng đến hình thành quốc gia số.

Kênh cung cấp thông tin trên môi trường số

Dự thảo Nghị định nêu rõ, Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước là kênh cung cấp thông tin thống nhất, tập trung của cơ quan nhà nước trên môi trường số; được kết nối, tích hợp với Cổng thông tin điện tử Chính phủ và sử dụng tên miền quốc gia ".vn" theo quy định.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, các cơ quan nhà nước triển khai các kênh cung cấp thông tin khác sau đây cho tổ chức, cá nhân trên môi trường số:

- Mạng xã hội do cơ quan nhà nước cho phép cung cấp thông tin trên môi trường số theo quy định của pháp luật.

- Ứng dụng trên thiết bị di động do cơ quan nhà nước cho phép cung cấp thông tin trên môi trường số được triển khai tập trung, thống nhất, dùng chung trong phạm vi bộ, ngành, địa phương để cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường số, tránh trùng lặp.

- Tổng đài điện thoại.

Dự thảo nêu rõ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý, kiểm soát và công bố các kênh cung cấp thông tin trên môi trường số.

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tiêu chuẩn hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông; cung cấp thông tin trên môi trường số.

Tổ chức, cá nhân có quyền chọn lựa kênh do cơ quan nhà nước cung cấp để truy cập, sử dụng thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường số và có trách nhiệm tuân thủ các quy định trong việc sử dụng thông tin trên môi trường số.

Cổng thông tin điện tử Chính phủ làm đầu mối kết nối thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trên môi trường số

Theo dự thảo, Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là kênh cung cấp thông tin chính thống, tập trung của cơ quan nhà nước trong phạm vi bộ, ngành, địa phương trên môi trường số. Cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan Trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã nếu có trang thông tin điện tử thì phải là thành phần của Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Cổng thông tin điện tử Chính phủ làm đầu mối kết nối thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trên môi trường số; hướng dẫn nghiệp vụ, tích hợp thông tin với Cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kết nối, tích hợp với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Nền tảng thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá triển khai chuyển đổi số.

Tên miền truy cập cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn: và sử dụng công nghệ địa chỉ Internet IPv6, tuân thủ theo quy tắc sau đây:

a) Đối với bộ, cơ quan Trung ương, sử dụng tên miền cấp 3 có dạng: tenbonganh.gov.vn, trong đó tenbonganh là tên viết tắt hoặc đầy đủ bằng tiếng Việt không dấu hoặc là tên viết tắt bằng tiếng Anh của bộ, cơ quan Trung ương theo quy định của Bộ Ngoại giao.

Cơ quan trực thuộc bộ, cơ quan Trung ương sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: tendonvi.tenbonganh.gov.vn, trong đó tendonvi là tên viết tắt hoặc tên đầy đủ của cơ quan trực thuộc bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.

b) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, sử dụng tên miền cấp 3 có dạng: tentinhthanh.gov.vn, trong đó tentinhthanh là tên đầy đủ của tỉnh, thành phố bằng tiếng Việt không dấu.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng tên miền truy cập là: hochiminhcity.gov.vn.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: tencoquan.tentinhthanh.gov.vn, trong đó tencoquan là tên viết tắt hoặc tên đầy đủ của cơ quan chuyên môn bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.

c) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: tenphuongxa.tentinhthanh.gov.vn, trong đó tenphuongxa là tên đầy đủ của xã, phường bằng tiếng Việt không dấu.

Các mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Dịch vụ công trực tuyến toàn trình là dịch vụ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số, bao gồm việc cung cấp thông tin, nộp và tiếp nhận hồ sơ, xử lý, thanh toán (nếu có) và trả kết quả.

Dịch vụ công trực tuyến một phần là dịch vụ chỉ thực hiện một hoặc một số công đoạn trên môi trường số.

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm triển khai cung cấp thủ tục hành chính mặc định theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Trường hợp chỉ cung cấp theo hình thức dịch vụ công trực tuyến một phần, cơ quan nhà nước công bố công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Bộ phận một cửa của cơ quan nhà nước về lý do và quy định của pháp luật chỉ cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, gồm: quy định tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ phải hiện diện tại cơ quan nhà nước; cơ quan nhà nước phải đi thẩm tra, xác minh tại hiện trường theo quy định của pháp luật; sự cố kỹ thuật chưa thể khắc phục ngay.

Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.

Nguồn: baochinhphu.vn

MỞ ĐỢT CAO ĐIỂM 15 NGÀY HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH KÊ KHAI THUẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2026/NĐ-CP

Ngành thuế đang triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ hộ kinh doanh thực hiện các quy định mới theo Nghị định số 68/2026/NĐ-CP. Hơn 2 triệu hộ kinh doanh sẽ được cung cấp tài liệu hướng dẫn và tham gia đợt cao điểm hỗ trợ kê khai thuế trong 15 ngày.

Ngành thuế phát sổ tay, hoàn thiện cổng kê khai thuế cho hộ kinh doanh

Phát biểu tại họp báo chuyên đề giới thiệu một số nội dung của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và Thông tư số 18/2026/TT-BTC về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, ông Mai Sơn – Phó Cục trưởng Cục Thuế cho biết: Ngay từ cuối năm 2025 và đầu năm 2026, ngành thuế đã khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai các quy định mới liên quan đến kê khai và quản lý thuế.

Theo ông Mai Sơn, cơ quan thuế đã xây dựng hệ thống tài liệu giới thiệu chính sách và cung cấp tới các cơ quan báo chí nhằm phổ biến những nội dung cơ bản của chính sách thuế tới người dân và cộng đồng kinh doanh. Đồng thời, ngành thuế cũng hoàn thiện các cổng hỗ trợ kê khai để phục vụ người nộp thuế khi thực hiện nghĩa vụ theo quy định mới.

Trước đây, trong giai đoạn thực hiện phương thức quản lý thuế khoán, một bộ phận người nộp thuế đã thực hiện kê khai. Tuy nhiên, hệ thống phục vụ cho việc kê khai vẫn chưa đầy đủ và chưa đồng bộ. Vì vậy, cơ quan thuế đã xây dựng thêm một cổng kê khai song song để hoàn thiện hệ thống.

Theo đại diện Cục Thuế, khi các chính sách mới được triển khai đồng bộ, các hệ thống này sẽ được hợp nhất nhằm tạo thuận lợi hơn cho người nộp thuế khi thực hiện nghĩa vụ thuế. Bên cạnh đó, các quy định chính sách pháp luật cũng được tóm tắt và biên tập lại để phục vụ công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế.

Một tài liệu quan trọng được ngành thuế xây dựng là sổ tay hướng dẫn hộ kinh doanh. Cuốn sổ tay này được các đơn vị nghiệp vụ của ngành thuế biên soạn trên cơ sở tiếp thu nhiều ý kiến góp ý từ các cơ quan báo chí trong thời gian qua.

Theo ông Mai Sơn, sổ tay sẽ được truyền tải tới hộ kinh doanh thông qua nhiều kênh khác nhau như cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế, các đường link hướng dẫn trực tuyến cũng như thông qua các cơ quan báo chí và các đơn vị cung cấp dịch vụ như đại lý thuế và đại lý kế toán.

Ngoài ra, cơ quan thuế cũng đang triển khai việc in và gửi tài liệu hướng dẫn tới người nộp thuế. Theo kế hoạch, hơn 2 triệu hộ kinh doanh trên cả nước sẽ được tiếp cận các tài liệu hướng dẫn này. Người nộp thuế không chỉ nhận tài liệu bản giấy mà còn có thể tra cứu thông tin thông qua điện thoại và các ứng dụng điện tử.

Liên quan đến việc kê khai thuế, đại diện Cục Thuế cho biết thời hạn kê khai được xác định vào ngày 30/4. Do đó, ngành thuế dự kiến triển khai một chiến dịch hỗ trợ trong khoảng 15 ngày để hướng dẫn hộ kinh doanh thực hiện kê khai trên cổng điện tử.

Đối với các cá nhân cho thuê nhà hoặc cho thuê bất động sản, cơ quan thuế cũng đang xây dựng các danh sách và phương thức tiếp cận để gửi thông tin hướng dẫn. Đồng thời, cơ quan thuế cũng hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Ông Mai Sơn cho biết trong thời gian tới ngành thuế mong tiếp tục nhận được sự đồng hành của các cơ quan thông tấn báo chí trong công tác tuyên truyền cũng như phản ánh các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Qua đó, cơ quan thuế sẽ tiếp tục hoàn thiện các hướng dẫn và giải pháp hỗ trợ nhằm giúp hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế thuận lợi hơn.

Mở đợt cao điểm 15 ngày hỗ trợ hộ kinh doanh kê khai thuế

Theo lãnh đạo Cục Thuế, trong giai đoạn trước khi áp dụng phương thức quản lý thuế mới, một bộ phận người nộp thuế đã thực hiện kê khai nhưng việc triển khai vẫn chưa đồng bộ. Do đó, cơ quan thuế đã xây dựng cổng hỗ trợ kê khai mới nhằm hoàn thiện hệ thống và tích hợp các chức năng phục vụ người nộp thuế.

Trong thời gian tới, ngành thuế tiếp tục triển khai chương trình hành động "Đồng hành cùng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong tuân thủ pháp luật thuế" theo Quyết định số 3789/QĐ-CT của Cục trưởng Cục Thuế với nhiều hoạt động hỗ trợ trên phạm vi toàn quốc.

Theo kế hoạch, cơ quan thuế sẽ triển khai đợt cao điểm kéo dài 15 ngày nhằm hỗ trợ hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký, kê khai và nộp thuế theo quy định mới tại Nghị định 68/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 18/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Đợt cao điểm được tổ chức trong bối cảnh từ năm 2026 nhiều hộ kinh doanh chuyển sang thực hiện nghĩa vụ thuế theo nguyên tắc tự kê khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm, thay cho phương thức quản lý thuế khoán trước đây.

Trong thời gian cao điểm, cơ quan thuế các cấp sẽ triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ người nộp thuế. Các hoạt động này bao gồm việc tổ chức hội nghị tập huấn, đối thoại để giải đáp vướng mắc; thành lập các tổ hỗ trợ trực tiếp tại địa bàn kinh doanh; hướng dẫn đăng ký thuế, kê khai thuế, sử dụng hóa đơn điện tử và nộp thuế điện tử.

Ngoài ra, các kênh hỗ trợ trực tuyến cũng sẽ được duy trì để tiếp nhận và xử lý phản ánh của người nộp thuế. Theo kế hoạch hỗ trợ người nộp thuế năm 2026, ngành thuế cũng tổ chức các chương trình "Ngày hỗ trợ kê khai thuế", qua đó hướng dẫn trực tiếp việc lập hồ sơ khai thuế và sử dụng dịch vụ thuế điện tử cho hộ kinh doanh tại địa bàn.

Theo cơ quan thuế, mục tiêu của chương trình hỗ trợ là giúp hộ kinh doanh thực hiện đúng, đủ và kịp thời nghĩa vụ thuế ngay từ lần kê khai đầu tiên. Qua đó, các sai sót không cố ý sẽ được hạn chế thông qua hoạt động hướng dẫn và cảnh báo sớm.

Việc tăng cường hỗ trợ trong giai đoạn đầu triển khai chính sách mới được kỳ vọng giúp hộ kinh doanh nắm bắt đúng quy định, thực hiện đúng nghĩa vụ thuế và nâng cao mức độ tuân thủ tự nguyện.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ CÔNG BỐ 18 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC CẤP VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN

Bộ trưởng Bộ Nội vụ vừa ban hành Quyết định số 217/QĐ-BNV ngày 09/3/2026 công bố các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09/01/2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Theo Quyết định số 217/QĐ-BNV, các thủ tục hành chính được công bố thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và được thực hiện ở ba cấp: trung ương, cấp tỉnh và cấp xã. Việc ban hành danh mục thủ tục hành chính mới góp phần cụ thể hóa các quy định của Nghị định số 03/2026/NĐ-CP, đồng thời tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan thuận lợi trong quá trình thành lập, tổ chức và vận hành quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Theo danh mục thủ tục hành chính quy định tại Quyết định số 217 /QĐ-BNV được công bố, lần lượt có 6 thủ tục hành chính cấp trung ương do Bộ Nội vụ thực hiện, 6 thủ tục hành chính cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện và 6 thủ tục hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Cụ thể, ở cấp trung ương có 06 thủ tục hành chính do Bộ Nội vụ thực hiện. Các thủ tục này bao gồm: cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung hoặc đổi tên quỹ; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc mở rộng phạm vi hoạt động của quỹ; và thủ tục quỹ tự giải thể.

Ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện 06 thủ tục hành chính tương tự đối với các quỹ hoạt động trong phạm vi địa phương. Trong khi đó, cấp xã cũng thực hiện 06 thủ tục hành chính liên quan đến việc thành lập, hoạt động và giải thể quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi cấp xã (trừ các quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập và hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh hoặc xã).

Quyết định nêu rõ, đối với thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh, Ban sáng lập quỹ gửi hồ sơ đến Bộ Nội vụ để xem xét, thẩm định. Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Vụ Tổ chức phi chính phủ sẽ nghiên cứu, thẩm định và lấy ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình Bộ Nội vụ quyết định cấp phép hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp không đồng ý. Thời hạn giải quyết thủ tục là 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Về điều kiện thành lập quỹ, quỹ phải có tôn chỉ, mục đích hoạt động phù hợp với các lĩnh vực như hỗ trợ phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội hoặc hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội. Sáng lập viên thành lập quỹ phải là công dân hoặc tổ chức Việt Nam, có ít nhất 3 sáng lập viên và không phải là người thân thích với nhau.

Về tài sản thành lập quỹ, đối với quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, tổng giá trị tài sản đóng góp tối thiểu là 8 tỷ đồng. Trường hợp có sự tham gia góp tài sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài cùng với tổ chức, cá nhân Việt Nam thì mức tài sản tối thiểu phải đạt 10,8 tỷ đồng. Tài sản đóng góp phải được chuyển quyền sở hữu cho quỹ trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.

Quyết định số 217/QĐ-BNV cũng đồng thời bãi bỏ các thủ tục hành chính về quỹ xã hội, quỹ từ thiện đã được công bố trước đây tại Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Việc thay thế này nhằm bảo đảm sự thống nhất với quy định mới của Nghị định số 03/2026/NĐ-CP và cập nhật các nội dung quản lý phù hợp với thực tiễn.

Phương Nhung - Trung tâm Công nghệ thông tin

ĐẾN NĂM 2030, PHỔ CẬP INTERNET CHO 80% ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Vừa qua, Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Kế hoạch số 447/KH-BDTTG về Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.

Mục tiêu cốt lõi của Kế hoạch là xây dựng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số, hiện đại, minh bạch; cung cấp dịch vụ công số chất lượng cao, kết nối liên thông và bảo đảm an toàn thông tin; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

Qua đó, Bộ hướng tới việc hình thành hệ sinh thái dữ liệu chuyên ngành phục vụ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành và xây dựng chính sách và phục vụ người dân, địa phương, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số và thu hẹp khoảng cách số vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thu hẹp khoảng cách số, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Kế hoạch đề ra các mục tiêu cụ thể, mang tính đột phá cho từng giai đoạn. Với mục tiêu Phát triển Chính phủ số, trong giai đoạn 2026 - 2027, Bộ phấn đấu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.

Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến kỳ vọng đạt mức 90%. Đồng thời, 100% thủ tục hành chính nội bộ sẽ được quản trị trên môi trường điện tử và 90% các nền tảng số dùng chung của Bộ được đưa vào sử dụng.

Bước sang giai đoạn 2028 - 2030, tỷ lệ hài lòng của người dân và doanh nghiệp được đặt mục tiêu nâng lên 99%. Đặc biệt, 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình sẽ được ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ít nhất một khâu như tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh; 100% lãnh đạo sử dụng chữ ký số cá nhân trong xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường số.

Không dừng lại ở cải cách hành chính, Kế hoạch đặc biệt chú trọng đến việc phát triển xã hội số và kinh tế số. Giai đoạn năm 2025 – 2027 thúc đẩy kinh tế số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số qua các nền tảng cung cấp thông tin, tri thức, hỗ trợ các mô hình kinh tế phù hợp trên môi trường số; giai đoạn 2028 – 2030 tối ưu hóa hoạt động nội bộ, giảm 30% chi phí hoạt động nhờ tự động hóa quy trình; phát triển sản phẩm OCOP của đồng bào dân tộc thiểu số.

Về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, đến năm 2030, Bộ đặt mục tiêu phổ cập dịch vụ viễn thông, Internet cho 80% đồng bào dân tộc thiểu số tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Công tác đào tạo nhân lực số tại cơ sở cũng được đẩy mạnh. Dự kiến đến năm 2030, 100% trưởng thôn, bản, ấp, buôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số sẽ được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số. Bên cạnh đó, 80% doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số sẽ được hỗ trợ tiếp cận công nghệ số để ứng dụng vào sản xuất kinh doanh.

Kế hoạch đặt mục tiêu 100% người được phong chức, bổ nhiệm, hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo sẽ được định danh vào giai đoạn 2028 - 2030.

Thực thi quyết liệt với nguyên tắc "6 rõ"

Để hiện thực hóa những mục tiêu này, Kế hoạch đã đề ra hệ thống giải pháp đồng bộ. Trong đó, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo nguyên tắc "6 rõ": Rõ người - Rõ việc - Rõ thời gian - Rõ sản phẩm - Rõ trách nhiệm - Rõ thẩm quyền.

Xác định cụ thể nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi cần tập trung chỉ đạo và bố trí nguồn lực thực hiện, nhất là nhiệm vụ về cụ thể hóa Khung kiến trúc số của bộ, Khung kiến trúc dữ liệu; hoàn thiện hạ tầng, xây dựng nền tảng, cơ sở dữ liệu, phát triển nhân lực công nghệ cao…

Các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành chính thức cơ sở dữ liệu về Tôn giáo cũng như các cơ sở dữ liệu về Dân tộc, bao gồm dữ liệu về các dân tộc thiểu số; đào tạo, bồi dưỡng lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số 2026 - 2030 được thực hiện theo hướng tập trung. Việc thu thập, số hóa và chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu đảm bảo "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung".

Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng bao gồm triển khai giải pháp an toàn thông tin tổng thể, tập trung theo mô hình 4 lớp và diễn tập định kỳ; diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng cứu khẩn cấp cho hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Về nhân lực số, nghiên cứu áp dụng cơ chế đặc thù về lương, thưởng, chế độ làm việc để thu hút nhân tài công nghệ phục vụ công tác chuyển đổi số. Cùng với đó, tổ chức đào tạo

nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ thích nghi với môi trường số, sử dụng dữ liệu và công nghệ.

Về kinh tế số và xã hội số, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn: vietnamnet.vn

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã ban hành Quyết định số 207/QĐ-BHXH về Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026, nhằm tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, gắn với chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

Văn bản được xây dựng trên cơ sở Quyết định số 76/QĐ-BTC ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về kế hoạch triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026; các nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; cùng các quyết định của Bộ Tài chính liên quan đến tái cấu trúc thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Theo đó, ngành bảo hiểm xã hội đặt mục tiêu triển khai đồng bộ các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính được giao tại các chương trình, chiến lược, kế hoạch và đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Bảo hiểm xã hội Việt Nam, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong năm 2026. Đồng thời, ngành tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với chuyển đổi số, số hóa hồ sơ, liên thông dữ liệu và tái sử dụng dữ liệu theo Đề án 06.

Kế hoạch cũng nhấn mạnh việc kiểm soát chặt chẽ các quy định liên quan đến sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc tái sử dụng dữ liệu. Ngành bảo hiểm xã hội phấn đấu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2025, góp phần thực hiện mục tiêu chung của Bộ Tài chính là giảm 50% thời gian giải quyết và 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Một trong những nội dung trọng tâm của Kế hoạch là đẩy mạnh khai thác, sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo hiểm và các cơ sở dữ liệu được chia sẻ để thay thế hoặc cắt giảm tối đa thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính.

Theo đó, phấn đấu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu liên quan đến cá nhân, tổ chức chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được xây dựng cụ thể, chi tiết, giao nhiệm vụ đến từng đơn vị với các sản phẩm báo cáo theo từng nhóm nội dung công việc. Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm gồm: Đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ đối với các quy định thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát chất lượng dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính; công khai, niêm yết thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố.

Bên cạnh đó, ngành bảo hiểm xã hội tiếp tục tăng cường kiểm soát, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tổ chức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo quy định, hướng tới giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Đồng thời triển khai lưu trữ điện tử, bảo đảm 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Một nhiệm vụ quan trọng khác là tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội năm 2026, làm cơ sở nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Để triển khai hiệu quả Kế hoạch, Bảo hiểm xã hội Việt Nam yêu cầu thủ trưởng các đơn vị nêu cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong công tác kiểm soát và cải cách thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng đơn vị. Kết quả triển khai Kế hoạch sẽ là một trong những căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính của các đơn vị trong năm 2026.

Cùng với đó, các đơn vị trong toàn hệ thống bảo hiểm xã hội cần bảo đảm công khai, minh bạch thông tin về thủ tục hành chính; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện và giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính; giảm tối đa chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân.

Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố và các đơn vị trực thuộc cũng được yêu cầu chủ động tổ chức triển khai Kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, chỉ đạo hoặc báo cáo Bộ Tài chính.

Thông qua việc triển khai Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026, ngành bảo hiểm xã hội tiếp tục khẳng định quyết tâm đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ số, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ, hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Nguồn: nhandan.vn

BƯỚC CHUYỂN RÕ NÉT TRONG HÀNH TRÌNH SỐ HÓA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Với 9/9 thủ tục hành chính được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia, hơn 2,46 triệu hồ sơ được tiếp nhận chỉ trong một tháng và tỷ lệ xử lý trực tuyến đạt trên 99%, hệ thống Kho bạc Nhà nước đang cho thấy sự thay đổi thực chất trong cải cách hành chính và xây dựng nền tảng kho bạc số.

Tinh giản thực chất

Theo thông tin từ Kho bạc Nhà nước, trước khi tích hợp các thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đơn vị đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại toàn bộ quy trình thủ tục. Theo đó, một thủ tục hành chính đã được bãi bỏ do không còn phù hợp; 5 thủ tục được sửa đổi theo hướng rõ ràng, thuận tiện hơn và 2 thủ tục được gộp lại nhằm giảm bớt khâu trung gian.

Việc rà soát và sắp xếp này giúp quá trình số hóa của Kho bạc Nhà nước không rơi vào tình trạng giữ nguyên quy trình cũ rồi chuyển sang bản điện tử, mà thực sự tái cấu trúc theo hướng đơn giản, logic và phù hợp với môi trường số.

Nếu như trước đây, hình ảnh quen thuộc tại nhiều đơn vị Kho bạc Nhà nước là cán bộ các cơ quan, chủ đầu tư mang theo tập hồ sơ giấy rất dày đến nộp, chờ kiểm tra, bổ sung khi có yêu cầu. Mỗi sai sót nhỏ về biểu mẫu hay thiếu chữ ký đều có thể khiến hồ sơ phải hoàn thiện lại, kéo dài thời gian xử lý. Đặc biệt, việc theo dõi tiến độ giải quyết chủ yếu thông qua liên hệ trực tiếp hoặc điện thoại, nên quá trình bổ sung thủ tục, chứng từ để hoàn tất một giao dịch thường mất rất nhiều thời gian.

Ngoài ra, không ít đơn vị sử dụng ngân sách từng phải cử cán bộ đi lại nhiều lần chỉ để hoàn tất một bộ hồ sơ thanh toán. Điều này vừa tạo áp lực cho cơ quan xử lý, vừa làm phát sinh chi phí và thời gian cho các đơn vị giao dịch.

Hiện nay, 100% thủ tục hành chính của Kho bạc Nhà nước đã được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia, do đó, toàn bộ quá trình từ nộp hồ sơ, tiếp nhận, kiểm soát đến trả kết quả đều được thực hiện trực tuyến. Hồ sơ điện tử được gửi qua hệ thống, sử dụng chữ ký số và lưu trữ tập trung, hạn chế tối đa giấy tờ.

Đáng chú ý, nếu trước đây, một hồ sơ có thể mất vài ngày cho khâu luân chuyển giấy tờ, thì nay, nhiều giao dịch được xử lý ngay trong ngày làm việc. Đơn vị sử dụng ngân sách có thể tra cứu trạng thái hồ sơ theo thời gian thực, nhận thông báo yêu cầu bổ sung (nếu có) và hoàn thiện ngay trên hệ thống mà không cần phải đi lại.

Hiệu quả của việc tích hợp này đã được thể hiện rõ qua các con số tổng hợp. Theo báo cáo từ Kho bạc Nhà nước, chỉ riêng trong tháng 02/2026, toàn hệ thống ghi nhận khối lượng công việc rất lớn với tỷ lệ giải quyết đúng hạn ở mức cao. Cụ thể, tổng số hồ sơ tiếp nhận là 2.467.425 hồ sơ, trong đó, hồ sơ trực tuyến chiếm tỷ lệ 99%.

Minh bạch, trách nhiệm rõ ràng hơn

Chuyển đổi số không chỉ giúp rút ngắn thời gian xử lý, mà còn góp phần tăng tính minh bạch trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Mỗi thao tác trên hệ thống đều được ghi nhận, từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ đến khi phê duyệt. Lịch sử xử lý có thể truy xuất khi cần, giúp nâng cao trách nhiệm của từng khâu nghiệp vụ và hạn chế tình trạng chậm trễ không rõ nguyên nhân. Với hệ thống dữ liệu điện tử, các bước xử lý đều có dấu vết, giúp cơ quan quản lý dễ dàng theo dõi và đánh giá hiệu quả công việc.

Đặc biệt, hệ thống kiểm soát chi điện tử của Kho bạc Nhà nước cũng được tích hợp các tiêu chí kiểm tra tự động. Khi phát hiện chênh lệch dự toán, sai định mức hoặc thiếu thông tin bắt buộc, hệ thống sẽ cảnh báo ngay từ đầu. Nhờ đó, nhiều sai sót được phát hiện sớm trước khi bước vào các khâu xử lý sâu hơn.

Ngoài ra, việc áp dụng chữ ký số thay thế chữ ký tay và con dấu truyền thống của KBNN cũng giúp bảo đảm giá trị pháp lý của chứng từ điện tử, đồng thời rút ngắn thời gian xác nhận hồ sơ. Đây được xem là thay đổi quan trọng trong phương thức giao dịch giữa kho bạc và các đơn vị sử dụng ngân sách.

Bên cạnh việc số hóa thủ tục, Kho bạc Nhà nước còn đẩy mạnh kết nối dữ liệu với các hệ thống liên quan như mạng đấu thầu quốc gia và phần mềm kế toán hành chính - sự nghiệp. Khi dữ liệu được liên thông, việc đối chiếu, kiểm soát thông tin được thực hiện nhanh hơn, giảm trùng lặp và hạn chế nhập liệu nhiều lần.

Việc kết nối các hệ thống dữ liệu cũng tạo điều kiện để thông tin về dự toán, hợp đồng, khối lượng thanh toán và giải ngân được cập nhật đồng bộ. Nhờ đó, các cơ quan quản lý có thể theo dõi tình hình thực hiện ngân sách một cách sát sao hơn.

Nền tảng cho quản trị tài chính hiện đại

Có thể thấy, sự thay đổi từ xử lý hồ sơ giấy sang quản trị trên nền tảng số đang tạo ra bước chuyển căn bản trong hoạt động của toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước Việc tích hợp 9/9 thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia, xử lý hơn 2,46 triệu hồ sơ trong một tháng và duy trì tỷ lệ trực tuyến trên 99% không chỉ là những con số ấn tượng, mà còn là minh chứng cho quyết tâm cải cách thực chất của Kho bạc Nhà nước.

Những bước đi này cho thấy hành trình xây dựng kho bạc số của Kho bạc Nhà nước đang dần hình thành rõ nét, mở ra phương thức quản lý ngân sách hiện đại, chuyên nghiệp và phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế số.

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, việc hoàn tất đưa các thủ tục lên môi trường điện tử không chỉ mang ý nghĩa hoàn thành chỉ tiêu kỹ thuật, mà còn phản ánh một bước thay đổi về cách thức vận hành, từ xử lý hồ sơ thủ công sang quản lý trên nền tảng số của Kho bạc Nhà nước. Đây được xem là nền tảng quan trọng để hệ thống Kho bạc tiếp tục triển khai các bước phát triển sâu hơn, hướng tới mô hình quản trị tài chính công minh bạch, hiệu quả và dựa trên dữ liệu.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

SỔ SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ TRÊN VNEID ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở 34/34 TỈNH, THÀNH PHỐ

Chiều ngày 10/3/2026, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Tri Thức chủ trì cuộc họp về đề xuất phương án tổ chức thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu kiểm tra sức khỏe định kỳ và lập Sổ sức khỏe điện tử cho người dân.

Hiện nay, việc triển khai Sổ sức khỏe điện tử cho người dân trên ứng dụng VNeID nhằm đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong ngành Y tế. Bước đầu ghi nhận, Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID mang lại lợi ích thiết thực cho bệnh viện lẫn người dân khi đi khám, chữa bệnh. Đây cũng là một trong những nội dung nằm trong chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia áp dụng trong ngành y tế.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về "Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia" đóng vai trò hết sức quan trọng đối với mọi lĩnh vực, trong đó có ngành Y tế. Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW đối với ngành Y tế được kỳ vọng sẽ tạo ra những chuyển biến tích cực, toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và thúc đẩy nhanh tiến trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, xây dựng hệ thống y tế hiện đại, hiệu quả, thân thiện và ngày càng phục vụ người dân tốt hơn. Báo cáo tại cuộc họp, Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia cho biết việc triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đã được thực hiện tại 34/34 tỉnh, thành phố với khoảng 30 triệu sổ sức khỏe của người dân. Tuy nhiên, dữ liệu hiện nay chủ yếu được hình thành từ dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, trong khi dữ liệu kiểm tra sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc vẫn chưa được kết nối, liên thông đầy đủ.

Để khắc phục tình trạng này, Trung tâm đề xuất các phương án kết nối dữ liệu kiểm tra sức khỏe định kỳ từ các cơ sở y tế, trạm y tế và các đợt kiểm tra sức khỏe lưu động tại cơ quan, trường học, doanh nghiệp… nhằm cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu khám sức khỏe của Bộ Y tế và đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để hiển thị trên ứng dụng VNeID.

Tại cuộc họp, đại diện các đơn vị chuyên môn đã thảo luận về hai phương án kết nối dữ liệu. Nhiều ý kiến cho rằng việc kết nối thông qua hệ thống tiếp nhận dữ liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam có thể giúp triển khai sớm, do hạ tầng kỹ thuật và hệ thống dữ liệu đã được đầu tư và vận hành ổn định, đồng thời các cơ sở khám chữa bệnh trên cả nước đã quen với việc gửi dữ liệu qua cổng này.

Thứ trưởng Nguyễn Tri Thức nhấn mạnh y tế cơ sở đóng vai trò quan trọng trong quản lý sức khỏe người dân, bao gồm cả y tế dự phòng, kiểm tra sức khỏe định kỳ và quản lý sức khỏe cộng đồng trên địa bàn. Hiện nay, mỗi địa phương đang triển khai nhiều chương trình quản lý sức khỏe khác nhau, do đó cần có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin thống nhất để quản lý dữ liệu hiệu quả.

Thứ trưởng Nguyễn Tri Thức cũng cho biết theo chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, hướng tới mục tiêu mỗi người dân được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần mỗi năm và dữ liệu khám sức khỏe định kỳ cần được cập nhật, hiển thị trên Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID.

Việc kết nối, liên thông dữ liệu kiểm tra sức khỏe định kỳ được kỳ vọng sẽ góp phần từng bước hình thành kho dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh của ngành y tế, phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, đồng thời hỗ trợ công tác quản lý, điều hành và hoạch định chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực y tế.

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là cơ sở để ngành y tế tiến hành đột phá về đổi mới tư duy, xác định và đẩy mạnh quyết tâm của các đơn vị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, phát triển y tế số.

Những năm qua, ưu tiên chuyển đổi số trong toàn ngành y tế tập trung vào 3 lĩnh vực: Khám chữa bệnh thông minh, chăm sóc sức khỏe thông minh và quản trị thông minh. Đồng thời, hướng đến 2 nhóm hoạt động là chuyển đổi số để giảm sự phiền hà, chờ đợi của người dân và xây dựng y tế thông minh để tạo thêm tiện ích, tăng sự hài lòng của người dân.

Nguồn: vietnamplus.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI: BAN HÀNH KẾ HOẠCH KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CÔNG VỤ NĂM 2026

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Vũ Đại Thắng vừa ký ban hành Quyết định số 967/QĐ-UBND về ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, công vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026.

Theo Kế hoạch, hoạt động kiểm tra nhằm rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhiệm vụ thành phố tại các chương trình, kế hoạch, kết luận, chỉ đạo và các văn bản khác của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố năm 2026; đôn đốc, hướng dẫn, chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố về tiến độ, hiệu quả, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Cùng với đó là đánh giá những nội dung đã làm được, phát hiện kịp thời những sáng kiến, kinh nghiệm, mô hình hiệu quả để có phương án nhân rộng trong toàn thành phố; những nội dung chưa làm được, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện chỉ đạo của Trung ương và thành phố, qua đó xác định những vấn đề cần tập trung chỉ đạo hoặc bổ sung, điều chỉnh trong thời gian tiếp theo.

Thông qua hoạt động kiểm tra để góp phần ngăn ngừa vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính; đánh giá những ưu điểm, mặt tích cực; đồng thời phát hiện các tồn tại, thiếu sót, khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ; đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền biện pháp xử lý.

Nội dung kiểm tra tập trung vào việc triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch, kết luận, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; các nội dung cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể công tác Cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030: Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; Cải cách thể chế, Cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Chuyển đổi số.

Công tác kiểm tra công vụ sẽ đánh giá việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tập trung vào các nội dung trọng tâm chỉ đạo của thành phố; việc xử lý các phản ánh kiến nghị thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị qua iHanoi,...

Thời kỳ kiểm tra được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến thời điểm kiểm tra, với nhiều hình thức như kiểm tra trực tiếp theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất, kiểm tra qua môi trường số

và hệ thống thông tin quản lý, đồng thời thông qua chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất của các cơ quan, đơn vị.

Đơn vị được kiểm tra gồm các sở, cơ quan tương đương sở; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố. Việc kiểm tra được thực hiện tại trụ sở các cơ quan, đơn vị được kiểm tra hoặc tại các địa điểm phù hợp theo tình hình thực tế.

Nguồn: hanoimoi.vn

LẠNG SƠN: THÔNG SUỐT THỦ TỤC

Xác định cải cách thủ tục hành chính là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính nói chung và cải cách thủ tục hành chính nói riêng. Mục tiêu đặt ra là xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Theo đó, tháng 2/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 38 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Kế hoạch yêu cầu các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ và hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Song song với đó, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã được yêu cầu tăng cường rà soát, đánh giá quy trình giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời phát hiện và kiến nghị cắt giảm những khâu trung gian không cần thiết. Việc chuẩn hóa quy trình, công khai minh bạch các bước thực hiện thủ tục hành chính không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trong 2 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết và trả kết quả đúng, trước hạn và tỷ lệ người dân đánh giá hài lòng khi thực hiện thủ tục tại trung tâm đều đạt trên 99%. Đây là tín hiệu tích cực tạo sự khởi đầu thuận lợi cho công tác tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của trung tâm.

Bà Hoàng Thị Luân, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cho biết: Ngay từ đầu năm 2026, chúng tôi đã quán triệt toàn thể cán bộ, công chức nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đồng thời giữ thái độ phục vụ chuẩn mực, chuyên nghiệp. Trung tâm tăng cường theo dõi, giám sát tiến độ xử lý hồ sơ theo từng ngày; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những trường hợp có nguy cơ chậm trễ. Bên cạnh đó, chúng tôi tiếp tục phối hợp với các sở, ngành rà soát, đề xuất cắt giảm những thành phần hồ sơ, thủ tục không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp.

Không chỉ ở cấp tỉnh, tại cấp xã, công tác cải cách thủ tục hành chính cũng được triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm. Thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, 100% các xã, phường trên địa bàn đã ban hành kế hoạch cải cách thủ tục hành chính năm 2026, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

Ông Vi Văn Thức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Na Dương cho biết: Trên cơ sở kế hoạch chung của tỉnh, chúng tôi đã phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, từng cán bộ, công chức; đồng thời rà soát, đánh giá những tồn tại, hạn chế trong công tác giải quyết thủ tục hành chính của năm trước để kịp thời khắc phục. Trọng tâm trong năm nay là tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc.

Cùng với việc cải tiến quy trình xử lý hồ sơ, các cơ quan, đơn vị cũng chú trọng đẩy mạnh cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Hiện nay, nhiều thủ tục hành chính đã được cung cấp ở mức độ trực tuyến toàn trình, cho phép người dân nộp hồ sơ, theo dõi tiến độ xử lý và nhận kết quả ngay tại nhà. Việc này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại mà còn góp phần giảm tải cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ trực tiếp.

Thực tế cho thấy, khi các thủ tục hành chính được cải cách theo hướng đơn giản, minh bạch và thuận tiện, người dân là đối tượng hưởng lợi trực tiếp.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về các quy định hành chính cũng được các cơ quan chức năng thực hiện nghiêm túc. Các kênh tiếp nhận thông tin như đường dây nóng, hòm thư điện tử, cổng dịch vụ công được duy trì hoạt động thông suốt. Mỗi ý kiến phản ánh đều được phân loại, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết và trả lời đúng thời hạn. Qua đó giúp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

Nguồn: baolangson.vn

TUYÊN QUANG: ĐƯA DỊCH VỤ CÔNG ĐẾN GẦN NGƯỜI DÂN

Việc thí điểm mô hình Đại lý dịch vụ công trực tuyến tại 34 điểm phục vụ của bưu điện trên địa bàn tỉnh không chỉ giúp người dân thuận tiện hơn khi thực hiện thủ tục hành chính mà còn góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao chất lượng phục vụ của chính quyền đối với người dân và doanh nghiệp.

"Cánh tay nối dài" của dịch vụ công

Trong bối cảnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số đang được đẩy mạnh trên cả nước, việc nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, giảm tiếp xúc trực tiếp và tăng tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính là yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương, đặc biệt là khu vực miền núi, biên giới như tỉnh Tuyên Quang, người dân vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các nền tảng dịch vụ công trực tuyến do hạn chế về kỹ năng số hoặc điều kiện hạ tầng.

Triển khai Đề án số 172 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch số 278 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về thí điểm triển khai mô hình Đại lý dịch vụ công trực tuyến, đầu tháng

2/2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh phối hợp cùng Bưu điện tỉnh chính thức khai trương mô hình tại 34 điểm đại lý trên địa bàn. Các điểm đại lý được đặt tại các điểm phục vụ của Bưu điện, bởi đây là địa điểm khá quen thuộc với người dân trong việc sử dụng các dịch vụ bưu chính, chuyển phát và tài chính bưu chính.

Đồng chí Nguyễn Quang Hưng, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cho biết: "Triển khai mô hình này, Trung tâm giữ vai trò quản lý, hướng dẫn chuyên môn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ, tổ chức tập huấn cho đội ngũ nhân sự tham gia hỗ trợ tại các điểm đại lý. Đồng thời, theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng hoạt động của các điểm đại lý, phối hợp tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến".

Đối với Bưu điện tỉnh chịu trách nhiệm triển khai mô hình đại lý tại các điểm giao dịch, bố trí nhân sự được đào tạo bài bản, nghiệp vụ cao để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, hỗ trợ số hóa hồ sơ, tiếp nhận yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính và chuyển trả kết quả tận tay người dân thông qua dịch vụ bưu chính công ích, đặc biệt tại những khu vực vùng sâu, vùng xa.

Quy trình hỗ trợ chuẩn hóa, minh bạch, nâng cao niềm tin của người dân với dịch vụ số theo các quy định về bảo mật dữ liệu cá nhân. Thông qua đó, người dân có thể được hỗ trợ từ khâu tư vấn thành phần hồ sơ, hướng dẫn đăng nhập và sử dụng cổng dịch vụ công Quốc gia, nộp hồ sơ trực tuyến, lựa chọn hình thức nhận kết quả tại nhà cho đến theo dõi tiến độ xử lý và đánh giá mức độ hài lòng.

Người dân là trung tâm phục vụ

Sau hơn 1 tháng triển khai mô hình Đại lý dịch vụ công trực tuyến, bước đầu tại một số địa phương đã ghi nhận những kết quả tích cực. Người dân khi thực hiện thủ tục hành chính được hỗ trợ trực tiếp tại các điểm giao dịch bưu điện, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại; giảm tải áp lực cho bộ phận một cửa tại các cơ quan hành chính.

Đối với Bưu cục Chiêm Hóa, thuộc Bưu điện xã Chiêm Hóa, từ đầu tháng 2 đến nay, đã có gần 200 trường hợp được hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến, chủ yếu liên quan đến nộp hồ sơ cấp căn cước, nộp phạt vi phạm giao thông. Bên cạnh đó, Bưu cục còn bố trí cán bộ thường trực tại Công an xã để tiếp nhận yêu cầu trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công xã tiếp nhận và chuyển trả hồ sơ thuộc lĩnh vực tư pháp - hộ tịch cho công dân.

Nhờ triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin, công tác giải quyết hồ sơ hành chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục đạt nhiều kết quả. Từ ngày 15/01 đến giữa tháng 2, toàn tỉnh đã tiếp nhận 80.547 hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó, có 61.252 hồ sơ đã được xử lý, tỷ lệ giải quyết trước hạn đạt 99,15%; số hồ sơ còn lại được giải quyết trong hạn.

Theo số liệu từ Cổng dịch vụ công Quốc gia tại thời điểm ngày 28/2, tỉnh Tuyên Quang đạt 93,85 điểm, được xếp loại xuất sắc, đứng thứ 9/34 tỉnh, thành phố trong cả nước về Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực

hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử. Cụ thể, chỉ số công khai minh bạch đạt 18/18 điểm; chỉ số tiến độ giải quyết đạt 18,53/20 điểm; chỉ số dịch vụ trực tuyến đạt 20/22 điểm; chỉ số mức độ hài lòng đạt 18/18 điểm và chỉ số số hóa hồ sơ đạt 19,32/22 điểm.

Từng bước hoàn thiện để nhân rộng

Bên cạnh những tín hiệu tích cực ban đầu, việc triển khai mô hình Đại lý dịch vụ công trực tuyến vẫn còn không ít khó khăn, thách thức. Trước hết, nhận thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến của một bộ phận người dân chưa đồng đều, nhất là tại các vùng nông thôn, miền núi, biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

Nhiều người dân chưa quen với việc sử dụng điện thoại thông minh, đăng ký tài khoản, xác thực thông tin hay tải lên các thành phần hồ sơ điện tử. Do đó, dù hệ thống dịch vụ công đã được xây dựng khá thuận tiện, người dân vẫn có tâm lý e ngại hoặc phụ thuộc hoàn toàn vào sự hỗ trợ của cán bộ tại các điểm đại lý.

Ngoài ra, hạ tầng viễn thông và thiết bị công nghệ tại một số địa bàn còn hạn chế, đặc biệt ở các xã vùng sâu, vùng xa. Tốc độ kết nối internet chưa ổn định, đường truyền bị gián đoạn khiến việc truy cập cổng dịch vụ công, tải hồ sơ hay thực hiện các bước xác thực điện tử mất nhiều thời gian.

Trong nhiều năm, người dân đã quen với việc đến trực tiếp bộ phận một cửa để nộp hồ sơ, trao đổi và nhận kết quả. Vì vậy, việc chuyển sang hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, theo dõi kết quả trên môi trường điện tử và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính vẫn cần thêm thời gian để tạo dựng niềm tin và thay đổi thói quen.

Qua trao đổi, đồng chí Nghiêm Tuấn Anh, Giám đốc Bưu điện tỉnh cho biết: "Để mô hình Đại lý dịch vụ công trực tuyến thực sự phát huy hiệu quả, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, bưu chính và chính quyền cơ sở trong tuyên truyền để người dân hiểu rõ lợi ích thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đồng thời, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và kỹ năng mới cho đội ngũ nhân sự tại các điểm đại lý, nhằm nâng cao chất lượng hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Tỉnh cũng cần tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tạo điều kiện để người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuận lợi hơn".

Sau giai đoạn thí điểm, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bưu điện tỉnh sẽ tiến hành đánh giá tổng thể hiệu quả triển khai để làm cơ sở mở rộng mô hình khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về chất lượng phục vụ và nhu cầu thực tế, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình xây dựng chính quyền số, xã hội số tại địa phương.

Nguồn: baotuyenquang.com.vn

BẮC NINH: NHIỀU GIẢI PHÁP TĂNG TỶ LỆ GỬI - NHẬN HỒ SƠ QUA BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đang ngày càng được người dân lựa chọn. Tại tỉnh Bắc Ninh, việc đẩy mạnh dịch vụ này không chỉ giúp giảm thời gian đi lại cho người dân mà còn góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

Người dân tin dùng

Những năm gần đây, tỉnh Bắc Ninh đẩy mạnh triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ bưu chính công ích. Đây là giải pháp thiết thực nhằm tạo thuận lợi cho người dân, nhất là trong bối cảnh tỉnh đang thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý và cung cấp dịch vụ công. Theo Bưu điện tỉnh, năm 2025 và những tháng đầu năm 2026, việc triển khai dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn đạt nhiều kết quả tích cực. Năm 2025, toàn tỉnh có 170.479 hồ sơ được trả kết quả qua bưu điện, đạt khoảng 92%. Ngoài ra, có 173 hồ sơ thực hiện theo hình thức hai chiều, tức vừa tiếp nhận hồ sơ vừa trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

Bước sang năm 2026, xu hướng người dân lựa chọn nhận kết quả tại nhà tiếp tục tăng. Chỉ trong hai tháng đầu năm, tỷ lệ hồ sơ trả kết quả qua bưu điện đạt 93%. Một số cơ quan, đơn vị có số lượng hồ sơ trả kết quả qua bưu điện lớn như: Bảo hiểm xã hội, Công an tỉnh, phường Bắc Giang và phường Việt Yên. Không chỉ ở cấp tỉnh, tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, phường, dịch vụ này cũng ngày càng được người dân quan tâm, lựa chọn.

Theo ông Ngô Duy Dũng, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Nếnh, thời gian gần đây ngày càng nhiều người dân lựa chọn hình thức nhận kết quả qua bưu điện. Điều này không chỉ giúp người dân tiết kiệm thời gian đi lại mà còn góp phần giảm áp lực cho bộ phận một cửa, nâng cao chất lượng phục vụ.

Mở rộng dịch vụ, nâng cao tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ

Để dịch vụ bưu chính công ích phát huy hiệu quả trong cải cách hành chính, tỉnh Bắc Ninh đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ từ tổ chức bộ máy, nhân lực đến hạ tầng công nghệ. Đến cuối tháng 2/2026, Bưu điện tỉnh đã bố trí 17 nhân viên làm việc tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công nhằm hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và đăng ký trả kết quả qua bưu điện. Ở một số xã, phường như: Bố Hạ, Tân Chi, Nếnh, Kinh Bắc, nhân viên bưu điện cũng được bố trí trực tiếp tại Trung tâm để hỗ trợ người dân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, mạng lưới 165 điểm phục vụ bưu chính trên toàn tỉnh được phát huy hiệu quả, giúp người dân tiếp cận dịch vụ ngay gần nơi cư trú. Tại các điểm này, nhân viên bưu điện hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản, nộp hồ sơ trực tuyến và theo dõi tiến độ giải quyết trên Cổng Dịch vụ công. Hệ thống phần mềm của bưu điện cũng được kết nối với hệ thống một cửa điện tử của tỉnh, giúp việc theo dõi và luân chuyển hồ sơ thuận lợi, minh bạch.

Tuy nhiên, tại một số địa phương, tỷ lệ hồ sơ sử dụng dịch vụ bưu chính công ích vẫn còn thấp, nhất là hồ sơ chiều gửi đi. Nguyên nhân chủ yếu là do nhiều người vẫn có tâm lý e ngại, lo ngại thất lạc giấy tờ gốc nên lựa chọn nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan hành chính. Công tác tuyên truyền ở một số nơi chưa thực sự sâu rộng.

Tại xã Sơn Động, năm 2025 tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích còn thấp so với tiềm năng. Ông Nguyễn Minh Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Sơn Động cho biết: "Năm 2026 địa phương đặt mục tiêu nâng tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính công ích lên khoảng 60%. Để đạt mục tiêu này, địa phương đang tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký dịch vụ ngay khi đến làm thủ tục; đồng thời phối hợp với bưu điện bố trí nhân viên thường trực tại Trung tâm để hỗ trợ người dân nộp hồ sơ và đăng ký nhận kết quả qua bưu điện".

Theo bà Kiều Kim Châm, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Kinh doanh Bưu điện tỉnh Bắc Ninh, thời gian tới đơn vị tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và địa phương nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. Trọng tâm là tăng cường hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến tại các điểm bưu điện văn hóa xã, mở rộng sự hiện diện của nhân viên bưu điện tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và đẩy mạnh tuyên truyền để người dân hiểu rõ lợi ích của dịch vụ này. Việc nâng cao tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua bưu chính công ích không chỉ giúp người dân thuận tiện hơn khi thực hiện thủ tục hành chính mà còn góp phần giảm tải cho cơ quan nhà nước, nâng cao tính minh bạch trong giải quyết công việc.

Nguồn: baobacninhtv.vn

THANH HÓA: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thực hiện chủ trương xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân là thước đo chất lượng phục vụ, thời gian qua, xã Tân Tiến, tỉnh Thanh Hóa đã đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, góp phần xây dựng chính quyền số hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả.

Với phương châm "Công khai - Minh bạch - Hiệu quả - Vì Nhân dân phục vụ", Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Tiến xác định chuyển đổi số là yếu tố then chốt quyết định đến chất lượng, hiệu suất làm việc, bởi vậy xã đã quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, công khai số điện thoại và đổi mới quy trình giúp việc giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, giảm áp lực và tăng sự hài lòng của người dân. Hiện trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công đang niêm yết công khai, đầy đủ 489 thủ tục hành chính; trong đó, 166 thủ tục hành chính toàn trình, 288 thủ tục hành chính một phần và 35 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến. Đồng thời, triển khai, sử dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và sử dụng chữ ký số phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, đảm bảo kết nối liên thông với các cấp.

Nhiều thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ cao, cho phép người dân nộp hồ sơ, tra cứu tình trạng giải quyết và nhận kết quả mà không cần đi lại nhiều lần. Với việc sử dụng hiệu quả hệ thống phần mềm một cửa điện tử, giúp lãnh đạo xã theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ, hạn chế tình trạng trễ hẹn.

Xác định yếu tố con người là quan trọng, công nghệ là yếu tố hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thời gian qua, xã Tân Tiến đã tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, ứng dụng chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính. Phân công cán bộ chuyên môn phụ trách theo lĩnh vực với phương châm: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả. Yêu cầu mỗi cán bộ cơ sở phải trở thành người "hướng dẫn số", hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục trực tuyến.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Giám đốc Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Trần Công Văn, cho biết: "Mỗi ngày trung tâm tiếp khá nhiều công dân đến thực hiện thủ tục hành chính, tuy nhiên, các trường hợp đầy đủ hồ sơ sẽ được cán bộ tiếp nhận và xử lý nhanh chóng, chính xác và minh bạch trên môi trường điện tử, giúp công dân tiết kiệm thời gian, chi phí. Nhiều trường hợp công dân là người cao tuổi, việc tiếp cận công nghệ còn khó khăn nhưng cán bộ, công chức trung tâm luôn kiên trì, hướng dẫn tỉ mỉ, giúp họ thành thạo với các thao tác trên điện thoại, máy tính khi cần giải quyết thủ tục hành chính".

Theo thống kê, từ ngày 01/7/2025 đến ngày 6/3/2026, Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Tiến đã tiếp nhận 4.703 hồ sơ; trong đó, tiếp nhận trực tuyến: 4.576 hồ sơ; đạt tỷ lệ 97,3%. Đã giải quyết đúng và trước hạn 4.606 hồ sơ, đang giải quyết trong hạn 22 hồ sơ, trả lại/xin rút 65 hồ sơ, chỉ có 10 hồ sơ giải quyết quá hạn.

Đồng chí Mai Văn Tài, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, cho biết: "Sau khi hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã đã nhanh chóng hoạt động và đi vào ổn định, đảm bảo quá trình giải quyết thủ tục hành chính của công dân được thông suốt, hiệu quả. Hiện nay, thủ tục tiếp nhận và trả hồ sơ trực tuyến đạt 100%. Chúng tôi đã chỉ đạo tất cả hồ sơ phải được số hóa, lưu trữ để sau này thuận tiện cho công tác tra cứu hoặc phục vụ cho nhiệm vụ chính trị được giao. Việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đã thể hiện rõ tính minh bạch. Từ đó, góp phần khắc phục được tình trạng chậm trễ, đùn đẩy, né tránh và giảm được phiền hà, tiêu cực, sách nhiễu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Trách nhiệm của cán bộ, công chức được giao thực hiện giải quyết thủ tục hành chính từng bước được nâng cao".

Để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, thời gian tới, xã Tân Tiến tiếp tục đề cao tinh thần trách nhiệm, thái độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại trung tâm, xây dựng trung tâm thực sự trở thành địa chỉ tin cậy để các tổ chức, cá nhân đến giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện đẩy mạnh việc rà soát, nâng cao tỷ lệ thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đồng thời, tập trung rà soát, cắt giảm mạnh thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại trung tâm so với thời hạn được quy định; tăng

cường giải pháp về minh bạch gắn với trách nhiệm giải trình của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế tối đa tỷ lệ hồ sơ quá hạn...

Việc gắn cải cách hành chính với chuyển đổi số đã tạo chuyển biến rõ nét trong hoạt động của chính quyền địa phương, hướng tới xây dựng chính quyền điện tử hiện đại, chuyên nghiệp, luôn gần dân, sát dân và đặt lợi ích của người dân lên hàng đầu.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: TIẾP TỤC SẮP XẾP TRƯỜNG HỌC; TINH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY; KIỆN TOÀN LÃNH ĐẠO CẤP PHÓ

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Công văn số 2267/UBND-TH về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU, ngày 26/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 210-KL/TW, ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục sắp xếp, xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Nghệ An trong giai đoạn tới.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường quán triệt đầy đủ, sâu sắc Kết luận số 210-KL/TW, ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Chương trình hành động số 17-CTr/TU; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của ngành, đơn vị, địa phương, đồng thời cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án chi tiết để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch các cấp

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị Báo cáo viên, hội nghị giao ban báo chí, họp báo, định hướng, cung cấp thông tin, chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tuyên truyền về mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và việc xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và các lực lượng Ban Chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch các cấp.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các Sở, ban, ngành

Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng bộ trực thuộc mới thành lập; Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ

chức của các Sở, ban, ngành (đối với những nơi thực hiện chưa đạt yêu cầu đề ra) bảo đảm đúng quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành.

Cùng với đó, rà soát việc thực hiện hướng dẫn, quy định của Trung ương để phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các Sở, ban, ngành; giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành với chính quyền cấp xã, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành.

Sắp xếp, tinh gọn bộ máy: Xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng với tổ chức, công chức

Đồng thời, xây dựng tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức thuộc phạm vi quản lý; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức. Phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền.

Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiếp tục sắp xếp, tinh gọn, hợp nhất các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Sắp xếp, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp gắn với bố trí cán bộ đúng người, đúng việc

Tiếp tục tham mưu xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đổi mới công tác cán bộ, trong đó chú trọng đánh giá gắn với bố trí cán bộ đúng người, đúng việc, phát huy năng lực, sở trường, nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ.

Cùng với đó, đẩy mạnh cải cách hành chính bảo đảm hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tổ chức tốt việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, không để tình trạng giải quyết hồ sơ chậm, muộn cho người dân, tổ chức. Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới.

Sắp xếp số lượng lãnh đạo cấp phó phù hợp sau khi có chủ trương đúng quy định

Thực hiện bố trí, sắp xếp số lượng lãnh đạo cấp phó đối với các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền bảo đảm phù hợp sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền, bảo đảm đến hết năm 2030 số lượng cấp phó của cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền bảo đảm đúng quy định.

Đồng bộ cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh liên thông với dữ liệu quốc gia. Tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản trị để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương đủ năng lực vận hành tổ chức bộ máy sau sắp xếp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới.

Các Sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh xây dựng Đề án về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả trong tham

gia góp ý phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội về các chính sách, thể chế liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, ban, ngành (đối với những nơi thực hiện chưa đạt yêu cầu đề ra) bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đúng quy định.

Xây dựng phương án sắp xếp các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non phù hợp

Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, xây dựng đề án/phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục (các trường THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non) phù hợp, thuận tiện phục vụ nhu cầu của người dân, học sinh; đẩy mạnh xã hội hóa ở những nơi có đủ điều kiện.

Sở Y tế rà soát, xây dựng Đề án/phương án tổ chức lại các Trạm Y tế cấp xã bảo đảm đúng quy định, phù hợp với thực tiễn.

Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn: dantri.com.vn

QUẢNG TRỊ: KHAI THÁC HIỆU QUẢ DỮ LIỆU SỐ VỀ DÂN CƯ PHỤC VỤ BẦU CỬ

Thời gian qua, lực lượng Công an các địa phương trong tỉnh đã tập trung cao độ cho công tác rà soát cư trú, đối chiếu dữ liệu thực tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Việc ứng dụng, khai thác hiệu quả dữ liệu số giúp chính quyền cơ sở kịp thời cập nhật các biến động về dân cư, cư trú của công dân để lập danh sách cử tri sát đúng với tình hình thực tế từng địa bàn; góp phần bảo đảm quyền bầu cử của mọi công dân.

Bảo đảm dữ liệu cử tri "đúng, đủ, sạch, sống"

Để phục vụ công tác chuẩn bị bầu cử, từ cuối năm 2025, Công an tỉnh đã ban hành các kế hoạch về triển khai phần mềm Quản lý cử tri và tổng rà soát, kiểm tra cư trú của công dân toàn tỉnh. Các kế hoạch đã tập trung chỉ đạo lực lượng công an cấp xã thực hiện việc rà soát, cập nhật và quản lý dữ liệu cử tri trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", phục vụ trực tiếp cho việc lập, niêm yết danh sách cử tri trên địa bàn tỉnh.

Kết quả công an cấp xã đã tiến hành 91.617 lượt kiểm tra, rà soát đối với 475.856/475.728 hộ (đạt tỉ lệ 100,02%) và 1.889.836/1.889.307 nhân khẩu (đạt tỉ lệ 100,01%), góp phần bảo đảm sự chính xác, đầy đủ số lượng, thông tin của cử tri trong lập danh sách, in thẻ cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Đến nay, Công an tỉnh đã cập nhật, quản lý 100% công dân thường trú, tạm trú

trên địa bàn tỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; dữ liệu đã được chuẩn hóa, đồng bộ kết nối với hệ thống quản lý các ngành liên quan.

Đến ngày 03/2/2026, danh sách cử tri tại 1.512 khu vực bỏ phiếu (78/78 xã, phường, đặc khu) trên địa bàn tỉnh đã được niêm yết theo đúng quy định. Việc hoàn thiện dữ liệu này đã tạo nền tảng quan trọng để phục vụ công tác lập danh sách cử tri được chính xác, đầy đủ, kịp thời, góp phần chuẩn bị tốt cho cuộc bầu cử. Mặc dù danh sách cử tri đã được niêm yết, lực lượng công an xã vẫn tiếp tục rà soát, cập nhật biến động dân cư để tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã điều chỉnh danh sách cử tri, in thẻ cử tri, bảo đảm danh sách cử tri luôn chính xác về số lượng và thông tin cho đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu.

Song song với rà soát, công an cấp xã duy trì chế độ trực tiếp nhận và xử lý phản ánh của Nhân dân sau niêm yết. Các trường hợp cử tri tạm trú có nguyện vọng bỏ phiếu tại địa phương; cử tri đăng ký thay đổi nơi bỏ phiếu do học tập, công tác xa hoặc phát hiện sai sót thông tin cá nhân đều được xác minh, cập nhật kịp thời trên hệ thống.

Hướng tới kỳ bầu cử hiện đại, chuyên nghiệp

Phần mềm Quản lý cử tri đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ phân chia, sắp xếp cử tri vào khu vực bỏ phiếu theo đúng quy định pháp luật hiện hành về bầu cử; chuyển đổi phương thức quản lý, phân chia danh sách cử tri từ thủ công sang tự động hóa trên nền tảng công nghệ thông tin, phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử.

Qua đó tối ưu hóa thời gian thực hiện công tác phân chia, rà soát danh sách cử tri, giảm thiểu tối đa sai sót, bảo đảm tính khách quan và minh bạch của dữ liệu. Phần mềm này giúp giảm tải áp lực công việc, thời gian và chi phí in ấn, lưu trữ cho đội ngũ cán bộ cấp xã, góp phần xây dựng một hệ thống dữ liệu an toàn, bảo mật, phục vụ hiệu quả cho công tác bầu cử và các hoạt động quản lý hành chính liên quan.

Theo Thượng tá Hoàng Thị Hồng Phượng, Trưởng phòng PC 06, Công an tỉnh, việc sử dụng dữ liệu số giúp chính quyền địa phương tổng hợp số liệu và lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu một cách chính xác, hạn chế tối đa thiếu sót, sai hoặc trùng lặp thông tin so với phương thức thủ công trước đây. Việc ứng dụng công nghệ giúp giảm thiểu đáng kể cho lực lượng chức năng và chính quyền cơ sở chi phí nhân lực và thời gian so với việc lập danh sách cử tri bằng thủ công như trước đây. Phần mềm cho phép cơ quan quản lý thường xuyên theo dõi tiến độ lập danh sách cử tri tại từng khu vực bỏ phiếu, từ đó các cấp chính quyền có thể nắm bắt và xử lý kịp thời các phát sinh, thay vì chờ đợi các báo cáo định kỳ bằng văn bản.

“Dữ liệu dân cư chính thống đóng vai trò quan trọng để xác thực thông tin, phản bác các luận điệu xuyên tạc và âm mưu phá hoại cuộc bầu cử trên không gian mạng. Đây là một bước dịch chuyển mạnh mẽ từ quản lý truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu số, tạo tiền đề để hướng tới các kỳ bầu cử hiện đại và chuyên nghiệp hơn trong tương lai” - Thượng tá Hoàng Thị Hồng Phượng nhấn mạnh.

Nguồn: baoquangtri.vn

HUẾ: TÍCH HỢP TÀI KHOẢN AN SINH XÃ HỘI TRÊN ỨNG DỤNG VNEID

Thực hiện chủ trương chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 của Chính phủ, thành phố Huế đang đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID. Đây được xem là bước tiến quan trọng nhằm hiện đại hóa công tác chi trả trợ cấp, bảo đảm nhanh, đúng đối tượng, minh bạch và thuận tiện cho người dân, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực an sinh xã hội.

Hiện đại hóa phục vụ an sinh

Những năm gần đây, việc chi trả các chính sách an sinh xã hội luôn được các địa phương đặc biệt quan tâm. Thực tế cho thấy, khi xảy ra các tình huống cần hỗ trợ nhanh cho người dân, phương thức chi trả truyền thống vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định như mất nhiều thời gian trong việc tổng hợp danh sách, xác minh đối tượng hoặc tổ chức chi trả trực tiếp.

Điển hình, nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 vừa qua, Chính phủ đã triển khai chính sách tặng quà hỗ trợ 100.000 đồng/người cho toàn công dân. Để khoản hỗ trợ đến tay người dân kịp thời, nhiều thôn, tổ dân phố trên địa bàn đã linh hoạt triển khai các giải pháp phù hợp thực tế.

Tại nhiều khu dân cư, cán bộ cơ sở và tổ công tác đã trực tiếp đến từng hộ gia đình phát tiền hỗ trợ, đặc biệt đối với người cao tuổi, người yếu thế hoặc không có điều kiện đi lại. Song song đó, một số địa phương tận dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu dân cư, sử dụng ứng dụng VNeID để xác thực thông tin, rút ngắn thời gian đối chiếu và chi trả. Nhờ đó, nhiều người dân nhận được tiền hỗ trợ qua ứng dụng VNeID (đối với tài khoản định danh mức độ 2) hoặc qua tài khoản ngân hàng nhanh chóng, thuận tiện.

Thời đại số bùng nổ, yêu cầu xây dựng một hệ thống chi trả an sinh xã hội đồng bộ, số hóa và tự động hóa trở nên cấp thiết. Việc tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID không chỉ mang ý nghĩa cải cách hành chính mà còn mở ra phương thức phục vụ người dân nhanh chóng, minh bạch, giảm thủ tục trung gian, hướng tới mục tiêu "không để ai bị bỏ lại phía sau" trong tiến trình chuyển đổi số.

Theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thành phố Huế, mục tiêu đặt ra là phấn đấu 100% công dân có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đủ điều kiện sẽ tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID. Trước mắt, hoạt động này được phát động thực hiện cao điểm từ nay đến ngày 31/3, sau đó sẽ được triển khai thường xuyên, liên tục.

Theo kế hoạch triển khai, việc tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID cho phép người dân liên kết tài khoản ngân hàng hoặc tài khoản Mobile Money để nhận các khoản trợ cấp trực tiếp. Khi dữ liệu đã được xác thực, quá trình chi trả sẽ được thực hiện nhanh chóng, hạn chế sai sót và giảm tối đa thủ tục giấy tờ.

Toàn dân được hưởng lợi từ nền tảng số

Thời gian qua, các cơ quan chức năng thành phố Huế đã huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị. Từ công an, chính quyền địa phương, tổ công nghệ số cộng đồng đến các đoàn thể xã hội đều đồng loạt triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp cho người dân. Nhiều điểm hỗ trợ cố định và lưu động được tổ chức tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố nhằm hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt và liên kết tài khoản.

Thiếu tá Nguyễn Văn Biên, Phó Trưởng Công an xã Bình Điền cho biết, việc tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID đã được đơn vị phối hợp với chính quyền, các tổ chức liên quan đẩy mạnh triển khai trên địa bàn. Việc đồng bộ dữ liệu dân cư cùng với sự hưởng ứng của người dân đã giúp cơ quan quản lý xác định đúng đối tượng, hạn chế trùng lặp hoặc bỏ sót trong quá trình chi trả trợ cấp.

Không chỉ phục vụ quản lý, lợi ích rõ ràng nhất thuộc về người dân. Thay vì phải chờ thông báo hoặc đến nhận tiền trực tiếp, người dân có thể nhận trợ cấp ngay qua tài khoản đã liên kết. Trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh hoặc hỗ trợ đột xuất, tiền có thể được chuyển gần như ngay lập tức.

Để thực hiện đại trà tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID, thành phố cũng chú trọng rà soát, phân loại người dân theo từng nhóm để hỗ trợ phù hợp, gồm: Nhóm đủ điều kiện tích hợp ngay, nhóm chưa có tài khoản ngân hàng, nhóm chưa có định danh điện tử mức độ 2 và nhóm yếu thế không thể tự thực hiện. Với các trường hợp khó khăn, lực lượng chức năng và tổ công nghệ số cộng đồng sẽ trực tiếp đến tận nhà hỗ trợ.

Song song đó, các ngân hàng phối hợp mở tài khoản lưu động tại địa bàn dân cư, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận dịch vụ tài chính thuận lợi. Công tác bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng được đặt lên hàng đầu trong suốt quá trình triển khai.

Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ cho rằng, việc tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID không chỉ phục vụ chi trả trợ cấp mà còn góp phần xây dựng hệ sinh thái số thống nhất giữa Nhà nước và người dân. Khi dữ liệu được liên thông, người dân có thể tiếp cận các dịch vụ công nhanh hơn, giảm thủ tục hành chính và tiết kiệm chi phí xã hội.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, cách làm của thành phố Huế cho thấy sự chủ động trong đổi mới phương thức phục vụ Nhân dân. Từ những kinh nghiệm thực tế như chi trả hỗ trợ đột xuất dịp 2/9 hay chi trả hàng tháng các chế độ trợ cấp, việc triển khai chi trả trên nền tảng số đồng bộ sẽ góp phần bảo đảm mọi chính sách an sinh xã hội đến đúng người, đúng thời điểm và minh bạch.

Nguồn: huengaynay.vn

ĐÀ NẴNG: XÂY DỰNG PHẦN MỀM ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ BẰNG KPI

Ngày 12/3/2026, ông Hồ Quang Bửu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, đã ký quyết định phê duyệt kinh phí hơn 13,3 tỷ đồng để Sở Nội vụ xây dựng phần mềm đánh giá kết quả làm việc theo mô hình KPI (chỉ số đo lường hiệu quả công việc).

Theo đề án, việc xây dựng phần mềm này sẽ đánh giá kết quả làm việc theo mô hình KPI để đo lường được thực chất chất lượng công chức, viên chức, bao gồm cả cấp lãnh đạo, chuyên viên…

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao Sở Nội vụ triển khai đến tất cả công chức hành chính trên địa bàn thành phố nhằm đo lường chất lượng, hiệu suất làm việc theo mô hình KPI, gồm các chức năng chính như quản lý danh mục công việc định mức chuẩn kết hợp với dữ liệu nền, hệ thống một cửa điện tử và các tiêu chuẩn, biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ...

Sở Nội vụ Đà Nẵng cũng được cấp kinh phí để triển khai xây dựng Hệ thống ứng dụng hẹn giờ giao dịch hành chính và trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ hành chính công và dịch vụ sự nghiệp công tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn.

Trong đó sẽ hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả việc xếp hàng tự động tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân đến liên hệ làm việc.

Hệ thống này sau khi được đầu tư và đi vào vận hành, sẽ hỗ trợ việc kê khai các mẫu đơn và các trường thông tin được nhập từ người dân thông qua việc ứng dụng AI.

Theo đó, người dân, tổ chức chỉ cần kê khai các trường thông tin dữ liệu cơ bản theo liệt kê, các dữ liệu này sẽ tự động điền vào các trường thông tin ô tương ứng theo từng mẫu đơn và được lưu trữ trên hệ thống.

Ngoài ra, hỗ trợ công tác thống kê, báo cáo số lượng công dân đến giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp và tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố.

Nguồn: dantri.vn

LÂM ĐỒNG: NGÀNH Y TẾ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tỉnh Lâm Đồng năm 2025, Sở Y tế đạt tổng điểm 91,88 điểm, xếp loại xuất sắc và xếp hạng thứ 6/13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Không có hồ sơ trễ hẹn, trễ hạn

Ông Huỳnh Thanh Huynh - Phó Giám đốc Sở Y tế cho biết: Mục tiêu cải cách hành chính nhằm góp phần xây dựng ngành y tế hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Từ tháng 7/2025 đến cuối năm 2025, Sở Y tế đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 11 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế. Đồng thời, tham mưu phân cấp cho cấp xã giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền giải quyết một số thủ tục trong lĩnh vực dược nhằm đơn giản hóa quy trình, tạo thuận lợi cho các đơn vị và giảm áp lực công việc cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bên cạnh đó, sở cũng tham mưu danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính, đạt tỷ lệ 100%. Qua rà soát, hiện lĩnh vực y tế có 166 thủ tục hành chính còn hiệu lực (145 thủ tục cấp tỉnh, 21 thủ tục cấp xã). Trong đó, 22 dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được cung cấp đầy đủ theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế; 100% thủ tục hành chính tại địa phương được triển khai thực hiện theo hình thức trực tuyến.

Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh là 128 thủ tục. Còn lại 17 thủ tục cấp tỉnh mang tính chuyên môn, kỹ thuật do các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc sở trực tiếp tiếp nhận và giải quyết.

Phó Giám đốc Sở Y tế Huỳnh Thanh Huynh cho biết thêm, năm 2025, toàn ngành tiếp nhận 3.119 hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó có 3.098 hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả trực tuyến không phụ thuộc địa giới hành chính (99,33%), chỉ 21 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp (0,67%). Đến nay, đã giải quyết 2.750 hồ sơ cho tổ chức, cá nhân; 100% hồ sơ trả trước và đúng hẹn (trong đó có 2.735 hồ sơ trả trước hẹn, đạt 99,45%), không có hồ sơ trễ hạn. Hiện còn 369 hồ sơ đang giải quyết, chưa đến hạn trả kết quả.

Tỷ lệ khai thác thông tin, dữ liệu số hóa ghi nhận trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 82,91% (chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh giao tối thiểu 50%). Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế đạt 100% (chỉ tiêu UBND tỉnh giao tối thiểu đạt 70%)...

Giải pháp nâng Chỉ số cải cách hành chính

Theo Quyết định số 519/QĐ - UBND ngày 06/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của Sở Y tế xếp loại khá, xếp hạng 12/14 các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý các Khu công nghiệp được đưa vào đánh giá, xếp loại và xếp hạng.

Kết quả đánh giá, xếp loại, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của Sở Y tế năm 2025 có một số tiến bộ so với năm 2024; đặc biệt, có 2/7 nội dung công tác cải cách hành chính được đánh giá, thẩm định đạt điểm tối đa trên thang điểm chuẩn (lĩnh vực cải cách thể chế và cải cách tổ chức bộ máy); các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong nội dung cải cách thủ tục hành chính, cải cách tài chính công đa số đạt điểm tối đa.

Ngay từ đầu năm, Sở Y tế đã triển khai kế hoạch khắc phục những hạn chế, thiếu sót qua kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2025; triển khai có hiệu quả công

tác cải cách hành chính năm 2026. Theo đó, sở đề nghị các phòng thuộc sở, đơn vị trực thuộc và từng công chức có nhiệm vụ liên quan tự rà soát lại việc thực hiện nhiệm vụ của mình liên quan đến công tác cải cách hành chính. Đồng thời, đề ra biện pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót; thực hiện hiệu quả hơn công tác cải cách hành chính và cải thiện Chỉ số cải cách hành chính trong năm 2026.

Nguồn: baolamdong.vn

ĐỒNG NAI: RÀ SOÁT TOÀN BỘ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUÁ HẠN XỬ LÝ

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vừa có văn bản gửi lãnh đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn về yêu cầu khẩn trương rà soát tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Theo báo cáo rà soát trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (tính đến ngày 4/3), toàn tỉnh hiện có 1.505 hồ sơ thủ tục hành chính đang ở trạng thái "xử lý quá hạn".

Trước tình hình này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành và địa phương tập trung kiểm tra, rà soát toàn bộ các hồ sơ đã được ghi nhận quá hạn; đồng thời làm rõ nguyên nhân. Kết quả thực hiện phải được hoàn thành trước ngày 12/3/2026.

Bên cạnh đó, các đơn vị được giao nhiệm vụ thường xuyên rà soát hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận, bảo đảm việc giải quyết đúng theo thời hạn quy định cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

Trong trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính (liên quan đến quy định, hệ thống, kỹ thuật, tài khoản…), các đơn vị phải kịp thời thông tin đến đầu mối của các bộ, ngành trung ương hoặc sở, ngành quản lý lĩnh vực để được hỗ trợ, xử lý kịp thời.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp các đơn vị có liên quan rà soát, hỗ trợ kỹ thuật đối với các hồ sơ thủ tục hành chính đã được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; bảo đảm việc đồng bộ đúng trạng thái hồ sơ theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi tiến độ triển khai nhiệm vụ của các đơn vị, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Lãnh đạo tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh đây là một số nhiệm vụ quan trọng nhằm cải thiện tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của tỉnh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 766/QĐ-TTg năm 2022 về Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Nguồn: dantri.com.vn

CÀ MAU: CHÍNH QUYỀN SỐ NỀN TẢNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2026, tỉnh Cà Mau xác định chuyển đổi số là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính. Nhiều thủ tục hành chính được triển khai trên môi trường điện tử; hồ sơ từng bước được số hoá và kết nối giữa các cơ quan, qua đó, giảm bớt giấy tờ, rút ngắn quy trình xử lý và hạn chế việc người dân phải đi lại nhiều lần.

Ông Lê Minh Hiền, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau, cho biết, chuyển đổi số đang tác động trực tiếp đến chất lượng giải quyết thủ tục hành chính. Khi các quy trình được thực hiện trên hệ thống điện tử, việc kiểm soát tiến độ và trách nhiệm xử lý hồ sơ rõ ràng hơn. Điều này không chỉ giúp cơ quan quản lý nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo sự minh bạch trong quá trình phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Ở cấp cơ sở, việc đưa công nghệ vào hoạt động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công giúp thay đổi cách thức xử lý hồ sơ so với trước đây. Nhiều địa phương chủ động ứng dụng phần mềm quản lý hồ sơ, cập nhật tình trạng xử lý trên hệ thống để các bộ phận liên quan cùng theo dõi.

Ông Đỗ Văn Sử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sông Đốc, cho biết, việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử giúp cán bộ thuận tiện hơn trong quá trình xử lý công việc. Hồ sơ sau khi tiếp nhận được cập nhật trên hệ thống, các bước xử lý được theo dõi xuyên suốt nên hạn chế tình trạng chậm trễ.

Bên cạnh việc hỗ trợ cán bộ trong quá trình xử lý công việc, các nền tảng số cũng mở ra cách tiếp cận mới đối với người dân khi thực hiện thủ tục hành chính. Thay vì phải trực tiếp đến cơ quan nhà nước nhiều lần, người dân có thể nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu tiến độ xử lý hoặc nhận thông báo kết quả qua hệ thống điện tử.

Thực tế cho thấy, khi công nghệ được đưa vào quy trình xử lý công việc, hoạt động của cơ quan hành chính trở nên rõ ràng và dễ kiểm soát hơn. Các bước xử lý hồ sơ được cập nhật trên hệ thống giúp việc theo dõi tiến độ thuận tiện, đồng thời tạo điều kiện để cơ quan quản lý kịp thời chấn chỉnh những khâu còn chậm trễ.

Quá trình xây dựng chính quyền số tại tỉnh Cà Mau vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện, từ việc nâng cấp hạ tầng công nghệ đến nâng cao kỹ năng sử dụng các nền tảng số cho cán bộ và người dân. Những kết quả bước đầu cho thấy việc ứng dụng công nghệ đang góp phần đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính, hướng tới mục tiêu phục vụ người dân ngày càng hiệu quả và thiết thực hơn.

Nguồn: baocamau.vn

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHÁT TRIỂN NHANH LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI, HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024, của Bộ Chính trị, "Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia", xác định rõ quan điểm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất. Để tạo ra những thay đổi lớn trong lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đưa nước ta bước vào kỷ nguyên vươn mình, phát triển mạnh mẽ, toàn diện, Nghị quyết cần được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại và hoàn thiện quan hệ sản xuất

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai yếu tố cốt lõi trong lý thuyết kinh tế mác-xít. Lực lượng sản xuất phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế, trong khi quan hệ sản xuất biểu thị cách thức tổ chức và phân phối các nguồn lực sản xuất. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng chỉ rõ, nền kinh tế của quốc gia chỉ phát triển nhanh và bền vững khi quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; ngược lại, khi 2 yếu tố này mâu thuẫn sẽ kìm hãm nhau, dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đã và đang tạo ra những thay đổi lớn trong cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trở thành những yếu tố có vai trò quan trọng đặc biệt, không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Thứ nhất, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chính thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Lực lượng sản xuất là sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ sản xuất nhằm tạo ra một sức sản xuất vật chất nhất định. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là phương tiện, mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất trên tất cả các phương diện cấu thành của lực lượng sản xuất.

Trước hết, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy tăng năng suất lao động, làm thay đổi căn bản mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó lực lượng sản xuất chuyển mạnh từ hữu hình sang vô hình, là tri thức của loài người, là trí tuệ của con người, là trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (loT), thông tin, dữ liệu lớn (Big data), điện toán đám mây, là công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ kỹ thuật số, bằng sáng chế, phát minh, giải pháp công nghệ, bản quyền, thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, lợi thế thương mại, uy tín trên thương trường... Tư liệu sản xuất vô hình ngày càng chiếm vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong nền

kinh tế tri thức, kinh tế số. Điều này chính là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển, là cơ sở để chuyển mạnh sang sản xuất theo chiều sâu, tăng năng suất của các yếu tố tổng hợp (TFP), tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Khoa học, công nghệ góp phần thay đổi phương thức sản xuất, từ lao động thủ công sang tự động hóa và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên. Tại Việt Nam, các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và công nghệ chuỗi khối (Blockchain) đang được áp dụng trong nhiều ngành kinh tế giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí và tăng năng suất. *Trong nông nghiệp:* Công nghệ nông nghiệp chính xác giúp giám sát môi trường canh tác, tối ưu hóa việc sử dụng nước và phân bón, từ đó nâng cao năng suất và giảm chi phí. *Trong công nghiệp:* Việc áp dụng dây chuyền sản xuất tự động hóa và rô-bốt đã cải thiện đáng kể hiệu suất trong các ngành, như điện tử, dệt may và chế biến thực phẩm. *Trong dịch vụ:* Các nền tảng số hóa và thương mại điện tử (e-commerce) đang thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ (Shopee, Lazada, Tiki…), giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho cả doanh nghiệp lẫn người tiêu dùng.

Khoa học, công nghệ không chỉ cải thiện các ngành sản xuất truyền thống mà còn tạo ra các ngành nghề mới, góp phần *chuyển đổi cơ cấu kinh tế* của Việt Nam. Nền kinh tế chuyển từ dựa vào tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ sang kinh tế tri thức, nơi mà giá trị gia tăng được tạo ra từ sự đổi mới sáng tạo. Điều này thể hiện qua sự phát triển của các ngành công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và dịch vụ sáng tạo, tiêu biểu, như ngành công nghệ thông tin. Sự phát triển nhanh chóng của các công ty công nghệ, như FPT, VinGroup, Viettel cho thấy Việt Nam có thể trở thành một trung tâm công nghệ tại khu vực Đông Nam Á. Các dự án năng lượng gió, mặt trời đã mở ra hướng đi mới cho ngành năng lượng tái tạo, góp phần giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giúp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường hội nhập quốc tế. Thông qua việc tiếp nhận công nghệ từ các quốc gia phát triển và hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu, Việt Nam đang dần khẳng định vị thế trong các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao.

Thứ hai, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.

Lực lượng sản xuất hiện đại trên nền tảng số phát triển mạnh mẽ tất yếu kéo theo sự phát triển tương ứng của quan hệ sản xuất theo đúng quy luật cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin: quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Sự thay đổi trong quan hệ sản xuất sẽ tác động mạnh đến kiến trúc thượng tầng, mở ra phương thức mới trong quản trị xã hội, tạo ra những công cụ mới trong quản lý nhà nước, làm thay đổi căn bản cách thức tương tác giữa Nhà nước và công dân, giữa các tầng lớp xã hội.

Khoa học, công nghệ tạo ra sự bình đẳng trong tiếp cận tài nguyên và công nghệ. Đổi mới sáng tạo mang lại cơ hội cho mọi người, bất kể vùng, miền hay hoàn cảnh kinh tế, tiếp cận với các sản phẩm và dịch vụ hiện đại. Công nghệ số giúp kết nối các khu vực kém phát triển với các thị trường lớn, thúc đẩy giao thương và cải thiện đời sống người dân ở vùng sâu, vùng

xa. Việc áp dụng công nghệ vào các lĩnh vực, như giáo dục trực tuyến, y tế từ xa đã giúp nâng cao chất lượng dịch vụ tại các khu vực khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm thay đổi mô hình tổ chức sản xuất, thay đổi trong cách thức tổ chức và vận hành sản xuất, thay đổi quan hệ lao động. Với sự phát triển của tự động hóa, mối quan hệ giữa người lao động và doanh nghiệp dần chuyển sang các mô hình linh hoạt hơn, như làm việc từ xa hoặc làm việc theo dự án. Hiện nay, nhiều công ty Việt Nam đang chuyển đổi từ quản lý truyền thống sang sử dụng các hệ thống quản lý thông minh, giúp tối ưu hóa nguồn lực và tăng cường hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động. Về điều này, Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ rõ: Sự thay đổi trong quan hệ sản xuất sẽ tác động mạnh đến kiến trúc thượng tầng, mở ra phương thức mới trong quản trị xã hội, tạo ra những công cụ mới trong quản lý nhà nước, làm thay đổi căn bản cách thức tương tác giữa Nhà nước và công dân, giữa các tầng lớp xã hội[1].

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cũng hỗ trợ phát triển kinh tế chia sẻ, một mô hình kinh tế dựa trên nền tảng công nghệ, đang tạo ra sự thay đổi lớn trong quan hệ sản xuất. Các nền tảng công nghệ, như Grab, Be và Airbnb đã tạo điều kiện cho việc sử dụng hiệu quả tài nguyên dư thừa, đồng thời thay đổi cách thức phân phối các nguồn lực. Khoa học công nghệ giúp thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền thông qua việc phổ biến các giải pháp công nghệ giá rẻ, nâng cao mức sống của người dân ở vùng sâu, vùng xa, góp phần bảo đảm công bằng trong phân phối lợi ích. Ngoài ra, khoa học công nghệ còn tăng cường hợp tác và kết nối. Đổi mới sáng tạo tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước hợp tác thông qua chia sẻ công nghệ và nguồn lực. Mô hình kinh doanh nền tảng số (platform economy) là minh chứng điển hình.

Thực tiễn phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển nhanh lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất ở Việt Nam hiện nay

Trong phát triển nhanh lực lượng sản xuất: khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò trung tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là chìa khóa để Việt Nam chuyển đổi nền kinh tế theo hướng bền vững. Việt Nam đã áp dụng các giải pháp tự động hóa và hệ thống sản xuất thông minh trong nhiều ngành công nghiệp, như điện tử, ô tô, chế biến thực phẩm… Các nhà máy thông minh sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) để tối ưu hóa quy trình sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Nhiều doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, ứng dụng thành công các công nghệ tiên tiến vào sản xuất và kinh doanh, điển hình như VinGroup, FPT, Viettel… Đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất và thương mại, các hệ thống quản lý tích hợp như ERP (Enterprise Resource Planning - lập kế hoạch doanh nghiệp) đã được triển khai, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa nguồn lực. Công nghệ sinh học đã được áp dụng rộng rãi trong nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, góp phần tạo ra các sản phẩm giá trị cao, thân thiện với môi trường và tăng năng suất lao động. Mạng lưới viễn thông và internet như mạng 4G và 5G đã được triển khai rộng khắp, tạo điều kiện thuận lợi cho các ứng dụng công nghệ trong sản xuất và kinh doanh. Hệ thống cáp quang internet đã phủ sóng đến hầu hết các khu vực nông thôn và

vùng sâu, vùng xa. Việt Nam đã phát triển các trung tâm dữ liệu lớn và cung cấp dịch vụ điện toán đám mây giúp các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ tiên tiến mà không cần đầu tư lớn.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao đạt được những kết quả nhất định. Các trường đại học và trung tâm nghiên cứu đã, đang mở nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu về khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và kỹ thuật số, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao. Việt Nam tăng cường hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và chuyển giao công nghệ, qua đó nâng cao trình độ nhân lực. Không những thế, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển khởi nghiệp sáng tạo nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Các trung tâm nghiên cứu và vườn ươm công nghệ được xây dựng ở nhiều nơi, như Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố thông minh ở thành phố Hồ Chí Minh. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển mạnh mẽ với hơn 3.000 startup hoạt động trong nhiều lĩnh vực. Các dự án công nghệ lớn, như VinFast và các nhà máy điện gió đang chứng minh tiềm năng cạnh tranh quốc tế của Việt Nam. Ngoài ra, Nhà nước đã chú trọng đầu tư vào đào tạo nhân lực khoa học công nghệ, với các chương trình như STEM trong giáo dục phổ thông và các quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học.

Trong hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp: khoa học công nghệ đã giúp chuyển đổi mô hình sản xuất, cải thiện liên kết giữa các doanh nghiệp, nhà cung cấp và khách hàng, hình thành các *chuỗi giá trị số* hiện đại. Ứng dụng blockchain và các nền tảng công nghệ khác đã giúp *tăng cường tính minh bạch* trong các giao dịch và quản lý chuỗi cung ứng. Sự phát triển của các nền tảng công nghệ như Grab, Shopee, Airbnb… đã thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ, tối ưu hóa nguồn lực và tạo ra cơ hội việc làm mới. Nhiều dự án phát triển công nghệ và chuyển đổi số đã được thực hiện dưới hình thức hợp tác công - tư, tối ưu hóa nguồn lực và giảm gánh nặng ngân sách. Chính phủ đã triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tiếp cận công nghệ và chuyển đổi số, giúp các doanh nghiệp này tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các chương trình quốc gia đã đưa điện, internet và các công nghệ hiện đại đến các khu vực khó khăn, giúp người dân tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội một cách hiệu quả hơn. Các chương trình đào tạo ngắn hạn và trực tuyến đã giúp người lao động nâng cao kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện đại, qua đó giúp giảm bất bình đẳng trong tiếp cận công nghệ. Các công cụ phân tích dữ liệu lớn đã được áp dụng để cải thiện năng lực quản lý và hoạch định các chính sách phù hợp. Chính phủ điện tử đã được triển khai mạnh mẽ, giúp giảm thiểu thủ tục hành chính, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả.

Bên cạnh những kết quả trên, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển nhanh lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất ở Việt Nam hiện nay còn một số hạn chế và thách thức sau:

Về hạn chế:

Một là, đầu tư cho khoa học công nghệ còn thấp và dàn trải. Tỷ lệ đầu tư chưa đạt yêu cầu quốc tế. Hiện nay, chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam chỉ chiếm khoảng 0,5% - 0,7% GDP, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới (khoảng 2,3%

GDP)(2); điều này làm hạn chế khả năng triển khai các dự án khoa học công nghệ quy mô lớn và dài hạn. Việc phân bổ nguồn lực thiếu tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn, như công nghệ thông tin, năng lượng tái tạo và công nghệ sinh học, dẫn đến nhiều dự án khoa học công nghệ không đạt được hiệu quả cao và không tạo ra tác động đột phá.

Hai là, thiếu hụt nhân lực chất lượng cao. Số lượng chuyên gia, nhà khoa học và kỹ sư có trình độ cao còn hạn chế, tỷ lệ nhân lực R&D trên 1 triệu dân của Việt Nam thấp hơn nhiều so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; chế độ, chính sách để giữ chân nhân tài còn bất cập, chưa đủ mạnh; một phần lớn các tài năng khoa học công nghệ du học ở nước ngoài không trở về nước do thiếu môi trường làm việc phù hợp và các chính sách ưu đãi hấp dẫn; chất lượng đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Hệ thống giáo dục đại học và đào tạo nghề chưa cung cấp đủ kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu công nghệ cao của các ngành kinh tế.

Ba là, cơ chế, chính sách phát triển khoa học công nghệ chưa đồng bộ và thiếu hiệu quả. Nhiều quy định pháp luật liên quan đến phát triển khoa học công nghệ chưa cụ thể hoặc khó thực hiện, dẫn đến việc triển khai các dự án gặp nhiều khó khăn. Thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp phép, triển khai dự án khoa học công nghệ còn phức tạp, tốn nhiều thời gian, làm giảm sự linh hoạt của doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu. Mặc dù có nhiều chính sách khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, nhưng nguồn vốn, kết cấu hạ tầng và mạng lưới hỗ trợ vẫn còn hạn chế, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trẻ.

Bốn là, kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ còn lạc hậu. Trang thiết bị nghiên cứu lỗi thời. Nhiều phòng thí nghiệm và trung tâm nghiên cứu tại Việt Nam vẫn sử dụng trang thiết bị cũ, không đáp ứng yêu cầu của các nghiên cứu hiện đại. Sự phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu, viện khoa học và doanh nghiệp còn yếu, dẫn đến lãng phí nguồn lực và hạn chế trong việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất.

Về thách thức:

Một là, cạnh tranh toàn cầu và sức ép hội nhập. Hiện nay, Việt Nam đang phải cạnh tranh với các nước phát triển và các quốc gia mới nổi trong việc thu hút nguồn lực, công nghệ và vốn đầu tư. Các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc và Singapore đều có nền tảng khoa học công nghệ mạnh mẽ, đặt ra thách thức lớn cho Việt Nam. Bên cạnh đó, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA) yêu cầu Việt Nam phải đáp ứng các tiêu chuẩn về công nghệ, sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo, trong khi năng lực khoa học công nghệ nội tại chưa thực sự mạnh.

Hai là, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo từng ngày, từng giờ, đã và đang đặt ra thách thức lớn với Việt Nam, đó là nguy cơ tụt hậu công nghệ. Sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới đòi hỏi Việt Nam phải nhanh chóng thích nghi. Tuy nhiên, năng lực tiếp nhận và ứng dụng các công nghệ này vẫn còn hạn chế. Sự thay đổi cấu trúc việc làm như tự động hóa và số hóa có thể làm giảm số lượng lao động trong các ngành truyền thống cũng đặt ra thách thức trong việc chuyển đổi kỹ năng cho lực lượng lao động.

Ba là, sự phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài cũng là một thách thức. Phần lớn các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam sử dụng công nghệ trung bình, dẫn đến việc lực lượng sản xuất của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào công nghệ nhập khẩu, không tạo được nền tảng nội lực vững chắc. Sự phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các vùng nông thôn và miền núi còn rất thấp so với các đô thị lớn, gây ra sự mất cân đối trong phân bổ tài nguyên sản xuất và phát triển kinh tế, tạo ra sự chênh lệch giữa các vùng, miền, cản trở không nhỏ đối với việc hoàn thiện quan hệ sản xuất.

Bốn là, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Một số công nghệ sản xuất gây ô nhiễm môi trường hoặc tiêu tốn tài nguyên thiên nhiên vẫn đang được áp dụng nhiều tại Việt Nam. Ứng dụng công nghệ xanh đang gặp nhiều khó khăn. Mặc dù các công nghệ xanh, như năng lượng tái tạo, sản xuất sạch hơn đã được chú trọng, nhưng chi phí đầu tư cao và thiếu cơ chế hỗ trợ khiến việc triển khai gặp nhiều trở ngại.

Giải pháp phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm phát triển nhanh lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất ở Việt Nam thời gian tới

Thứ nhất, tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nâng cao tỷ lệ đầu tư cho R&D bằng cách tăng tỷ lệ đầu tư từ GDP. Chính phủ cần tăng tỷ lệ đầu tư cho R&D lên mức tối thiểu 1,5-2% GDP vào năm 2030. Đây là ngưỡng phù hợp với các nước phát triển trong khu vực như Hàn Quốc hay Singapore. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội, tạo cơ chế để thu hút sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức quốc tế vào hoạt động khoa học công nghệ. Nhà nước có thể áp dụng chính sách giảm thuế hoặc hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào R&D.

Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên các ngành công nghệ mũi nhọn, như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo và sản xuất thông minh để tạo ra các sản phẩm công nghệ chiến lược. Tăng cường đầu tư cho cơ sở nghiên cứu bằng việc Chính phủ xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao.

Đây cũng là một trong những giải pháp trọng tâm được Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh trong bài viết "Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới"[(3)]. Đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng tăng cường đào tạo gắn với thực tiễn. Cải cách giáo dục đại học và đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế hiện đại. Các chương trình đào tạo cần kết hợp lý thuyết với thực hành, tập trung vào các kỹ năng công nghệ cao, như lập trình, thiết kế hệ thống và quản lý dự án công nghệ; hợp tác quốc tế trong đào tạo trên cơ sở đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học và tổ chức nghiên cứu hàng đầu trên thế giới để nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên và nhà khoa học Việt Nam.

Bổ sung, hoàn thiện chính sách thu hút và giữ chân nhân theo hướng ưu đãi hấp dẫn. Áp dụng các chính sách đặc biệt về tiền lương, thưởng, điều kiện làm việc; thu hút nhân tài trong

và ngoài nước với các chính sách hấp dẫn về quốc tịch, thu nhập, nhà ở và môi trường làm việc như Nghị quyết số 57-NQ/TW đã nêu. Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bằng việc xây dựng các quỹ hỗ trợ và vườn ươm doanh nghiệp dành riêng cho các nhà khoa học trẻ và các nhóm nghiên cứu tiềm năng.

Tăng cường đào tạo trong doanh nghiệp như đào tạo tại chỗ để nâng cao kỹ năng cho người lao động, giúp họ thích nghi với công nghệ mới; hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp thông qua phát triển các chương trình hợp tác đào tạo giữa trường đại học và doanh nghiệp để cung cấp nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng làm việc ngay sau khi tốt nghiệp.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ phát triển.

Đảng ta xác định, thể chế là "điểm nghẽn của mọi điểm nghẽn", do vậy, giải pháp này cần được coi là đột phá và tiên phong. Trước hết, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính bằng việc giảm thiểu rào cản pháp lý, như đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến việc triển khai các dự án khoa học công nghệ, đặc biệt là các dự án có yếu tố đổi mới sáng tạo; tăng cường tính minh bạch như xây dựng hệ thống đánh giá, phê duyệt các dự án khoa học công nghệ minh bạch, công khai, tạo niềm tin cho các nhà khoa học và doanh nghiệp.

Hoàn thiện chính sách sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Xây dựng cơ chế bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả; khuyến khích các nhà khoa học và doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu; tăng cường hợp tác quốc tế thông qua việc tham gia sâu hơn vào các tổ chức quốc tế về sở hữu trí tuệ để học hỏi kinh nghiệm và bảo đảm quyền lợi cho các nhà sáng chế Việt Nam.

Khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào hoạt động R&D bằng việc hỗ trợ tài chính. Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ về thuế, vốn vay ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào khoa học công nghệ; thúc đẩy hợp tác công - tư theo hướng phát triển các hình thức hợp tác công - tư trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ để chia sẻ rủi ro và tối ưu hóa nguồn lực.

Thứ tư, phát triển kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ hiện đại.

Chú trọng công tác nâng cấp, đầu tư trang thiết bị nghiên cứu, trước hết là tăng cường đầu tư vào các phòng thí nghiệm. Xây dựng các phòng thí nghiệm quốc gia và khu vực với trang thiết bị hiện đại, phục vụ các nghiên cứu chuyên sâu trong các lĩnh vực ưu tiên; công nghệ hóa các ngành truyền thống bằng cách ứng dụng các thiết bị hiện đại vào các ngành sản xuất truyền thống, như nông nghiệp, công nghiệp chế biến để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo theo hướng xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo. Các trung tâm đổi mới sáng tạo cần được quan tâm phát triển mạnh tại các thành phố lớn, các vùng kinh tế trọng điểm, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ để thu hút nhân lực và thúc đẩy hợp tác khoa học công nghệ. Đẩy mạnh liên kết vùng bằng việc phát triển các mạng lưới đổi mới sáng tạo liên vùng để chia sẻ nguồn lực và kinh nghiệm giữa các khu vực; đây cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đề ra.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn.

Tăng cường chuyển giao công nghệ theo hướng xây dựng cơ chế chuyển giao công nghệ, như đơn giản hóa thủ tục và hỗ trợ tài chính cho các dự án chuyển giao công nghệ giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao thông qua chính sách hỗ trợ một phần chi phí cho các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới trong sản xuất.

Ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực trọng yếu là yêu cầu bắt buộc, trước hết ở lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, như thúc đẩy ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa và các giải pháp thông minh để phát triển nông nghiệp bền vững; lĩnh vực công nghiệp sản xuất thông minh bằng cách tăng cường tự động hóa, rô-bốt hóa trong các nhà máy sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam. Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo vào y tế và giáo dục để cải thiện chất lượng dịch vụ và giảm chi phí.

Thứ sáu, thúc đẩy hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ.

Tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ theo hướng tham gia các dự án nghiên cứu quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và tiếp cận các công nghệ tiên tiến; mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế thông qua đẩy mạnh hợp tác với Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và các tổ chức khác để tận dụng sự hỗ trợ trong phát triển khoa học công nghệ. Bên cạnh đó, xuất khẩu công nghệ là một trong những giải pháp cần được quan tâm, trong đó, hoạt động xây dựng thương hiệu công nghệ Việt Nam cần được chú trọng. Chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong việc xuất khẩu công nghệ ra thị trường quốc tế để tăng nguồn thu nhập và góp phần nâng cao vị thế quốc gia, hướng tới kỷ nguyên phát triển bứt phá, giàu mạnh của dân tộc Việt Nam.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Thị Thạch - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

---

(1), (3) Xem: Tô Lâm: "Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 2/9/2024, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/chuyen-doi-so-dong-luc-quan-trong-phat-trien-luc-luong-san-xuat-hoan-thien-quan-he-san-xuat-dua-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi

(2) Xem: Thái Thanh Quý: *Báo cáo tóm tắt tình hình, kết quả thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thời gian qua; quán triệt triển khai tinh thần và nội dung cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phát phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội, ngày 13/1/2025.

"TÍCH XANH", KHI NHÀ NƯỚC PHÂN PHỐI CHÍNH SÁCH BẰNG DỮ LIỆU

Hiện nay quy trình xét duyệt người mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội còn khá phức tạp, trong khi số lượng hồ sơ đăng ký thường lớn hơn nhiều so với nguồn cung. Theo ý kiến của ông Lê Quang Huy, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần BIC Việt Nam tại Hội thảo "Nhà ở xã hội: Bứt tốc nguồn cung, bảo đảm công bằng thụ hưởng" diễn ra ngày 12/3/2026 tại trụ sở Bộ Xây dựng, đã đề xuất cơ quan quản lý nên đảm nhận khâu xét duyệt đối tượng mua nhà ngay từ đầu, bằng dữ liệu số của công dân.

Ông Lê Quang Huy nhấn mạnh, về lâu dài, cần xây dựng cơ sở dữ liệu chung về người đủ điều kiện mua nhà ở xã hội trên ứng dụng VNeID. Những người đáp ứng các tiêu chí về thu nhập và tình trạng nhà ở sẽ được xác nhận bằng "tích xanh", giúp chủ đầu tư nhanh chóng xác định đối tượng hợp lệ và rút ngắn quy trình xét duyệt.

Trong các cuộc thảo luận gần đây về chính sách nhà ở, nhiều đề xuất đã xuất hiện cùng lúc: Nâng trần thu nhập mua nhà ở xã hội lên 25-27 triệu đồng mỗi tháng, phát triển loại hình "nhà thương mại giá phù hợp", và đặc biệt là ý tưởng xác nhận điều kiện mua nhà bằng "tích xanh" trên ứng dụng VNeID. Nếu nhìn riêng lẻ, mỗi đề xuất dường như chỉ là một điều chỉnh kỹ thuật nhằm giải quyết một vướng mắc cụ thể. Nhưng nếu nhìn rộng ra có thể thấy một xu hướng sâu hơn: Việt Nam đang từng bước thử nghiệm một mô hình mới trong quản trị phúc lợi, nơi dữ liệu và định danh số trở thành nền tảng để phân phối chính sách xã hội.

Thay vì người dân phải nộp hồ sơ giấy để chứng minh mình đủ điều kiện hưởng một chính sách, Nhà nước sử dụng các hệ thống dữ liệu liên thông để xác định quyền lợi của công dân. Khi hệ thống dữ liệu đủ hoàn chỉnh, việc xác nhận có thể diễn ra gần như tự động.

Đề xuất "tích xanh" trên VNeID chính là một ví dụ khá rõ của cách tiếp cận này. Trong mô hình được gợi ý, hệ thống dữ liệu quốc gia sẽ kiểm tra các tiêu chí như thu nhập, tình trạng sở hữu nhà ở, nơi cư trú. Nếu người đăng ký đáp ứng đầy đủ điều kiện, tài khoản VNeID của họ sẽ được gắn một dấu xác nhận, một dạng "tích xanh" cho biết người đó đủ điều kiện mua nhà ở xã hội. Chủ đầu tư dự án chỉ cần kiểm tra dấu xác nhận này thay vì phải tiếp nhận và thẩm định một bộ hồ sơ giấy phức tạp.

Ở góc độ hành chính, đây là một bước đơn giản hóa thủ tục. Nhưng ở góc độ quản trị, nó đánh dấu một sự chuyển dịch quan trọng, đó là từ hệ thống phúc lợi dựa trên giấy tờ sang hệ thống phúc lợi dựa trên dữ liệu.

Nhiều quốc gia đã đi trước trong xu hướng này. Estonia thường được nhắc đến như một ví dụ tiêu biểu. Quốc gia Baltic nhỏ bé này bắt đầu xây dựng hệ thống định danh điện tử quốc gia từ đầu thập niên 2000. Thẻ e-ID của Estonia cho phép công dân truy cập gần như toàn bộ

dịch vụ công trực tuyến: Khai thuế, hồ sơ y tế, đăng ký doanh nghiệp, ký hợp đồng điện tử và thậm chí bỏ phiếu trong bầu cử. Nhờ hệ thống dữ liệu liên thông, nhiều chính sách phúc lợi được xác định tự động. Khi một gia đình có con nhỏ, hệ thống có thể ghi nhận thông tin và kích hoạt các khoản trợ cấp liên quan mà không cần một bộ hồ sơ phức tạp.

Singapore cũng phát triển một mô hình tương tự thông qua hệ thống định danh số Singpass. Với một tài khoản Singpass, người dân có thể truy cập hàng trăm dịch vụ công, từ khai thuế, đăng ký trợ cấp đến ký các hợp đồng điện tử. Trong nhiều trường hợp, biểu mẫu đã được tự động điền sẵn từ dữ liệu quốc gia. Điều này làm giảm đáng kể thời gian xử lý hồ sơ và chi phí hành chính.

Ấn Độ, với hệ thống định danh sinh trắc học Aadhaar, mỗi công dân được gắn với một mã số định danh duy nhất cùng dữ liệu sinh trắc học. Hệ thống này được sử dụng để xác thực khi người dân nhận trợ cấp nhiên liệu, lương thực hoặc mở tài khoản ngân hàng. Nhờ xác thực bằng dữ liệu, chính phủ Ấn Độ cho rằng họ đã giảm đáng kể tình trạng gian lận trong các chương trình phúc lợi.

Những kinh nghiệm quốc tế này cho thấy một xu hướng chung: Khi dữ liệu dân cư, dữ liệu thu nhập và dữ liệu tài sản được kết nối, Nhà nước có thể xác định quyền lợi của công dân nhanh hơn và chính xác hơn so với hệ thống hồ sơ giấy truyền thống.

Trong bối cảnh đó, đề xuất "tích xanh" trên VNeID có thể được xem như một bước thử nghiệm ban đầu của Việt Nam trong hướng đi này. Nếu áp dụng thành công trong lĩnh vực nhà ở xã hội, cách tiếp cận tương tự hoàn toàn có thể mở rộng sang các chính sách khác.

Chẳng hạn, hệ thống có thể được sử dụng để xác định quyền hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ giáo dục, bảo hiểm y tế hoặc các chương trình giảm nghèo. Khi dữ liệu về thu nhập và tình trạng hộ gia đình được cập nhật đầy đủ, Nhà nước có thể tự động xác định ai đủ điều kiện nhận hỗ trợ và thông báo trực tiếp cho họ.

Trong một kịch bản xa hơn, công dân thậm chí không cần "xin" nhiều loại phúc lợi như hiện nay. Hệ thống dữ liệu có thể tự động kích hoạt quyền lợi khi các điều kiện được đáp ứng. Một gia đình mới sinh con có thể tự động được ghi nhận để nhận các hỗ trợ liên quan. Một người lao động mất việc có thể được hệ thống xác định để tiếp cận các chương trình hỗ trợ tạm thời.

Tất nhiên, việc xây dựng một hệ thống như vậy không chỉ là câu chuyện công nghệ. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy ba yếu tố đặc biệt quan trọng.

Thứ nhất là độ chính xác của dữ liệu. Khi quyết định chính sách được đưa ra dựa trên dữ liệu, sai sót trong cơ sở dữ liệu có thể dẫn đến việc một người bị từ chối quyền lợi mà họ đáng ra được hưởng.

Thứ hai là cơ chế minh bạch và quyền kiểm soát của công dân đối với dữ liệu cá nhân. Estonia, chẳng hạn, cho phép công dân xem cơ quan nào đã truy cập dữ liệu của mình và khi nào. Điều này giúp tăng niềm tin của xã hội vào hệ thống.

Thứ ba là khung pháp lý bảo vệ dữ liệu. Khi nhiều loại thông tin cá nhân được tập trung trong một hệ thống định danh duy nhất, bảo mật và quyền riêng tư trở thành vấn đề then chốt.

Những yếu tố này quyết định liệu một hệ thống phúc lợi số có trở thành công cụ cải cách hành chính hiệu quả hay không.

Ở góc độ chính sách nhà ở, các đề xuất gần đây từ nâng trần thu nhập mua nhà xã hội đến phát triển nhà ở giá phù hợp cho thấy Việt Nam đang tìm cách điều chỉnh hệ thống để phù hợp với thực tế thị trường. Giá nhà tại các đô thị lớn đã tăng nhanh trong nhiều năm, khiến nhiều người có thu nhập trung bình rơi vào khoảng trống giữa nhà ở xã hội và nhà thương mại.

Trong bối cảnh đó, việc xác nhận điều kiện mua nhà bằng dữ liệu số có thể giúp giảm đáng kể các thủ tục hành chính vốn thường gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, nó cũng có thể hạn chế tình trạng gian lận chính sách, khi các thông tin về thu nhập và tài sản được kiểm tra trực tiếp từ cơ sở dữ liệu.

Tuy nhiên, ý nghĩa lớn hơn của đề xuất này có lẽ nằm ở chỗ khác. Nó cho thấy một hướng đi trong quản trị nhà nước: Chuyển từ mô hình hành chính dựa trên giấy tờ sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu số.

Nếu xu hướng này tiếp tục được mở rộng, trong vòng một hoặc hai thập niên tới, nhiều chính sách xã hội có thể được vận hành theo cách hoàn toàn khác so với hiện nay. Những "tích xanh" trên một ứng dụng điện thoại có thể trở thành dấu hiệu cho thấy một công dân đủ điều kiện tiếp cận một quyền lợi cụ thể, từ nhà ở, y tế đến giáo dục, quốc phòng, an ninh.

Vì vậy, khi bàn về "tích xanh" trên VneID, điều đáng chú ý hơn là cách mà Nhà nước trong tương lai có thể phân phối phúc lợi xã hội thông qua dữ liệu số.

Nguồn: qdnd.vn

THÁO GỠ RÀO CẢN THỂ CHẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẦM THẤP VÀ CÔNG NGHỆ MỚI

Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV, thuộc Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ) cho biết vừa có báo cáo gửi Thủ tướng về tình hình khó khăn của doanh nghiệp, hiệp hội trong thực thi chính sách liên quan đến Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trong các tháng 2 và 3/2026.

Thiếu khung pháp lý đồng bộ

Thông tin về phản ánh của doanh nghiệp, hiệp hội trong quá trình thực thi các chính sách khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - nhóm chính sách quan trọng nhằm đưa tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và một phần Nghị quyết số 68-NQ/TW vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh - Ban IV cho biết còn thiếu khung pháp lý đồng bộ để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm trong lĩnh vực kinh tế tầm thấp.

Các nội dung như cơ chế thử nghiệm (sandbox), khu vực thử nghiệm (test site), tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, cơ chế kiểm định an toàn bay, đào tạo và cấp chứng chỉ phi công UAV, chứng nhận xuất xứ nguồn gốc, xuất khẩu sản phẩm, cũng như cơ chế quản lý dữ liệu bay vẫn chưa được hoàn thiện.

Bên cạnh đó, một số thủ tục liên quan đến nhập khẩu linh kiện, thiết bị UAV hiện còn nhiều bước trung gian, gây kéo dài thời gian thực hiện, làm tăng chi phí cho doanh nghiệp, giảm bớt khả năng gia nhập và phát triển của doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực chiến lược này.

Đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cũng như các chính sách khuyến khích nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo nói chung còn gặp nhiều vướng mắc về thủ tục và điều kiện hồ sơ.

Một số doanh nghiệp cho biết việc chứng minh đủ điều kiện hưởng ưu đãi đối với chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) theo quy định hiện hành đòi hỏi phải tham chiếu đồng thời nhiều văn bản pháp luật khác nhau, trong khi chưa có hướng dẫn liên thông giữa các quy định về khoa học-công nghệ và quy định về thuế. Điều này khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xác định hồ sơ, chứng từ và quy trình cần thiết để được hưởng chính sách ưu đãi.

Trong quá trình triển khai các chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, một số doanh nghiệp, đặc biệt trong các ngành điện tử, bán dẫn và khoa học công nghệ, phản ánh rằng năng lực nghiên cứu và phát triển nội bộ của doanh nghiệp còn hạn chế, trong khi việc tiếp cận các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, nhiệm vụ khoa học-công nghệ và nguồn lực tài chính cho R&D vẫn còn phức tạp.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng gặp khó khăn trong việc thu hút nhân lực công nghệ cao và trong cơ chế chia sẻ rủi ro tài chính khi đầu tư cho R&D; rất cần chính sách phối hợp đồng thời của các cơ quan nhà nước.

Các hiệp hội, doanh nghiệp cho rằng, một số quy định trong các dự thảo văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo đang được phản ánh là có phạm vi điều chỉnh tương đối rộng so với mức độ rủi ro thực tế của công nghệ.

Cụ thể, quy định về nghĩa vụ gắn nhãn đối với nội dung do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa, cũng như việc xác định danh mục hệ thống AI có rủi ro cao, nếu áp dụng trên phạm vi quá rộng có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp

nhỏ và vừa. Đồng thời, điều này có thể làm chậm quá trình nghiên cứu, đầu tư và thương mại hóa các ứng dụng AI trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội.

Tăng cường minh bạch và số hóa thủ tục hành chính

Qua khảo sát nhanh ý kiến các hiệp hội, doanh nghiệp về thực thi Nghị quyết số 68-NQ/TW, cộng đồng doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận những chuyển biến tích cực trong môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp từ khi Nghị quyết được ban hành.

Nghị quyết đã góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp vào định hướng phát triển khu vực kinh tế tư nhân, thể hiện qua việc các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến doanh nghiệp và chủ động hơn trong việc tìm hiểu, tiếp nhận, xử lý một số kiến nghị phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, nhiều hiệp hội, doanh nghiệp cũng phản ánh quá trình triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW trong thực tiễn vẫn còn một số thách thức, nhiều chính sách chưa được ban hành cụ thể hoặc khó tiếp cận đối với doanh nghiệp, nhất là nhóm nhỏ và vừa.

Thêm vào đó, truyền thông chính sách dường như chưa đáp ứng được yêu cầu của Lãnh đạo Chính phủ khi thực tế nhiều hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ vẫn khó nắm bắt được đầy đủ các chính sách của nhà nước, đặc biệt là chính sách liên quan đến thuế, chuẩn kế toán mới, công tác thanh kiểm tra…

Trên cơ sở đó, các hiệp hội, doanh nghiệp kiến nghị tiếp tục đẩy mạnh quá trình thể chế hóa và nâng cao hiệu quả thực thi các chủ trương của Nghị quyết số 68-NQ/TW theo hướng bảo đảm tính thống nhất từ Trung ương đến địa phương; giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp; tăng cường minh bạch và số hóa các thủ tục hành chính, đồng thời thiết kế các chuyên đề rà soát, đánh giá phương thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, siêu nhỏ, hộ kinh doanh tiếp cận nguồn lực theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ở từng địa phương hoặc theo từng lĩnh vực một cách rõ ràng, hiệu quả.

Cân bằng giữa yêu cầu quản lý nhà nước và không gian phát triển mới của doanh nghiệp

Từ các phản ánh và thông tin của cộng đồng doanh nghiệp trong hai tháng qua, Trưởng Ban IV Trương Gia Bình, Chủ tịch Hội đồng sáng lập Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam đề xuất Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành tiếp tục rà soát các dự thảo và văn bản hướng dẫn việc triển khai các chính sách lĩnh vực khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu quản lý nhà nước và không gian phát triển các lĩnh vực mới của doanh nghiệp.

Đẩy mạnh hậu kiểm hoặc cho phép các khoảng thời gian cố định để doanh nghiệp thử nghiệm, thích nghi và ứng dụng thành thạo các công nghệ mới trước khi áp dụng các biện pháp kiểm tra chặt.

Đối với các lĩnh vực công nghệ mới và công nghệ chiến lược như kinh tế tầm thấp, Ban IV đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo các bộ, ngành liên quan hoàn thiện các cơ

chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), hoàn thiện quy định về hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình quản lý phù hợp để công bố và áp dụng.

Đồng thời, nghiên cứu rà soát các thủ tục liên quan đến thử nghiệm, sản xuất và nhập khẩu linh kiện, thiết bị theo hướng minh bạch, thống nhất và giảm bớt các khâu trung gian không cần thiết, tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước tham gia phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp công nghệ mới, lưỡng dụng trong bối cảnh được nhận định là có cơ hội cạnh tranh quốc gia nhưng cần ưu tiên về tốc độ và thời gian.

Để Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW và các nghị quyết quan trọng khác thực sự đi vào đời sống, thúc đẩy mô hình tăng trưởng mới của quốc gia, năm 2025, Chính phủ cùng các bộ, ngành đã nỗ lực xây dựng thể chế, chính sách, pháp lý liên quan.

Thủ tướng và lãnh đạo Chính phủ cũng chỉ đạo năm 2026 tập trung vào hành động và thực thi. Nhằm gia tăng hiệu quả chỉ đạo, Ban IV đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao Bộ Tài chính, các bộ, địa phương phối hợp cùng các đại diện khu vực doanh nghiệp (như Ban IV, các hiệp hội, chuyên gia…) tiến hành các chuyên đề rà soát, đánh giá tình hình thực thi, phương thức và kết quả hỗ trợ doanh nghiệp theo lĩnh vực, theo cụm địa phương (vùng) để liên tục có giải pháp phù hợp, thực chất trong năm 2026.

Nguồn: vietnamplus.vn

SẴN SÀNG ĐỒNG HÀNH CÙNG HỘ KINH DOANH CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG THỨC KÊ KHAI THUẾ

Việc chuyển đổi từ "thuế khoán" sang "thuế kê khai" đánh dấu một bước ngoặt lớn trong công tác quản lý tài chính quốc gia. Theo Nghị quyết 198/2025/QH15, từ ngày 01/01/2026, hàng triệu hộ kinh doanh trên cả nước chính thức chuyển sang mô hình kê khai và nộp thuế điện tử dựa trên doanh thu thực tế. Đây là yêu cầu cấp thiết để hiện đại hóa thủ tục hành chính, bảo đảm sự công bằng, minh bạch trong môi trường kinh doanh số.

Để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình chuyển đổi này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 5/3/2026 quy định chi tiết về chính sách và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh. Song song đó, ngành Thuế phát động chiến dịch cao điểm "15 ngày đồng hành, hỗ trợ cùng hộ kinh doanh" trước kỳ kê khai thuế quý 1/2026, nhằm khẳng định cam kết sát cánh cùng người nộp thuế.

"Tấm vé" phát triển ổn định

Ngày 12/3/2026, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã phối hợp cùng Cục Thuế và Công ty Cổ phần Công nghệ Sapo tổ chức hội thảo "Giải pháp giúp hộ kinh doanh kê khai thuế đúng, an tâm tuân thủ, phát triển bền vững". Sự kiện không chỉ là diễn đàn phổ biến chính

sách, mà còn mở ra một không gian đối thoại cởi mở, nơi các cơ quan quản lý, chuyên gia và cộng đồng kinh doanh cùng tìm tiếng nói chung.

Ông Nguyễn Hồng Sâm, Tổng Giám đốc Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, nhấn mạnh thông điệp xuyên suốt: "Hiểu chính xác - Chuẩn bị đủ - Thực hiện đúng - Hiệu quả cao."

Theo ông Nguyễn Hồng Sâm, việc tuân thủ đúng quy định không phải là gánh nặng, mà là "tấm vé" mở rộng cánh cửa phát triển ổn định, lâu dài cho chính các hộ kinh doanh. Hiểu chính xác để tiếp cận quy định minh bạch, từ đó chuẩn bị đủ về dữ liệu và công cụ để quản lý trong môi trường đa kênh. Trên cơ sở đó, người nộp thuế sẽ thực hiện đúng ngay từ đầu để giảm thiểu rủi ro, tối ưu chi phí tuân thủ.

Ông Nguyễn Hồng Sâm khẳng định sự phát triển của một nền kinh tế hiện đại dựa trên mức độ tin tưởng lẫn nhau giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Ông Nguyễn Hồng Sâm cho biết những kiến nghị từ hội thảo, cơ quan quản lý cam kết sẽ xem xét giải quyết theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cấp cao hơn để kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo dựng môi trường kinh doanh công bằng trong kỷ nguyên số.

Bên cạnh vai trò quản lý của Nhà nước, sự tham gia của các đơn vị công nghệ là mắt xích quan trọng giúp hiện thực hóa các chính sách thuế. Ông Trần Trọng Tuyến, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sapo, cho hay nền kinh tế số của Việt Nam đang bước sang giai đoạn phát triển thần tốc, cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Chính vì vậy, việc kết nối thông tin giữa cơ quan quản lý và người nộp thuế không đơn giản chỉ là góc nhìn về quản lý nhà nước mà đây là chìa khoá rất then chốt để cùng nhau xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi và bền vững.

Với việc Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và Thông tư số 18/2026/TT-BTC đi vào thực tiễn, ông Trần Trọng Tuyến cam kết tập trung tối đa nguồn lực để đồng hành cùng Chính phủ. Việc áp dụng công nghệ vào quản lý thuế không chỉ giúp cơ quan quản lý theo dõi sát sao mà còn giúp hộ kinh doanh có cái nhìn tổng quát về sức khỏe tài chính của chính mình, từ đó đưa ra các quyết định kinh doanh chuẩn xác hơn.

"Chúng tôi tin rằng với sự định hướng của Chính phủ, sự chỉ đạo sát sao, hướng dẫn cụ thể từ các cơ quan thuế, kết hợp với công nghệ, chúng ta có thể mang lại giải pháp hiệu quả cho hộ kinh doanh, các nhà bán hàng, cho các doanh nghiệp," ông Trần Trọng Tuyến nói.

Tập trung hỗ trợ thay vì xử phạt

Chia sẻ về tầm quan trọng của việc thay đổi phương thức quản lý, ông Mai Xuân Thành - Cục trưởng Cục Thuế (Bộ Tài chính) cho biết ngành Thuế đã dành thời gian 60 ngày cao điểm cuối năm 2025 để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân. Những ý kiến đóng góp từ thực tiễn chính là "kim chỉ nam" để cơ quan quản lý điều chỉnh cách thức tuyên truyền, hướng dẫn sao cho sát thực tế và dễ tiếp cận nhất.

Theo đó, Cục trưởng Mai Xuân Thành nhấn mạnh ba cam kết trọng tâm của ngành Thuế trong giai đoạn mới.

Thứ nhất là ưu tiên hỗ trợ thay vì xử phạt. Cụ thể, ông Mai Xuân Thành khẳng định trong giai đoạn đầu chuyển đổi, ngành Thuế tập trung tối đa nguồn lực để hướng dẫn, giúp bà con thực hiện đúng quy định ngay từ kỳ kê khai đầu tiên. Các kênh hỗ trợ từ trực tiếp tại địa bàn đến đường dây nóng, tư vấn từ xa sẽ được duy trì liên tục.

Thứ hai là đẩy mạnh chuyển đổi số. Theo đó, ngành Thuế sẽ cung cấp miễn phí các tiện ích điện tử, tích hợp trí tuệ nhân tạo để gợi ý thông tin tờ khai, nhắc hạn nộp và cảnh báo sớm sai sót. Các thao tác trên hệ thống được thiết kế theo hướng đơn giản, dễ làm, dễ nhớ, giúp người dân giảm bớt áp lực về công nghệ.

Cuối cùng là chuẩn hóa tài liệu hướng dẫn. Ông Mai Xuân Thành chia sẻ bên cạnh sổ tay "cầm tay chỉ việc," các clip hướng dẫn tình huống và bộ câu hỏi đáp ngắn gọn cũng sẽ được phổ biến rộng rãi. Thêm vào đó, danh sách công chức thuế hỗ trợ tại địa phương sẽ được công khai tại trung tâm hành chính công xã, phường và trên website ngành Thuế để người nộp thuế tiện liên lạc khi cần.

Không dừng ở đây, ông Mai Xuân Thành cho hay sau hội thảo này, Cục Thuế và cơ quan thuế các cấp sẽ tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ trực tiếp và trực tuyến (như: hội nghị đối thoại tại địa bàn, tại chợ, tại tuyến phố, cụm kinh doanh; hội nghị trực tuyến tọa đàm chuyên đề, hỏi đáp). Mặt khác, Cơ quan Thuế cũng sẽ phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, hiệp hội và các tổ chức liên quan để mở rộng kênh thông tin, tiếp nhận và giải đáp kịp thời mọi khó khăn vướng mắc phát sinh.

"Chúng tôi mong các cá nhân, hộ kinh doanh chủ động hơn trong việc tìm hiểu quy định, mạnh dạn đặt câu hỏi khi còn băn khoăn đồng thời thực hiện kê khai trung thực, đúng với thực tế hoạt động kinh doanh của mình. Về phía ngành thuế, chúng tôi cam kết sẽ đồng hành xuyên suốt trong năm 2026 và các năm tiếp theo, tiếp tục lắng nghe ý kiến từ thực tế để kịp thời điều chỉnh các cách thức triển khai cho phù hợp, sát thực tế và hiệu quả," ông Mai Xuân Thành nói.

Về phía mình, lãnh đạo Cổng Thông tin điện tử Chính phủ cho biết sẵn sàng tiếp nhận và đề nghị với Cục Thuế có một kênh trực tuyến với cơ quan thuế để tất cả những thông tin gửi đến Cổng Thông tin điện tử Chính phủ sẽ được giải đáp nhanh, kịp thời và đầy đủ nhất cho người dân và các hộ kinh doanh.

Nguồn: vietnamplus.vn

THÚC ĐẨY TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN SỐ, NÂNG CAO MỨC ĐỘ TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN CỦA VIỆT NAM

Ngày 11/3/2026, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 114/TB-VPCP kết luận của Ban Chỉ đạo quốc gia về tài chính toàn diện tại Phiên họp lần thứ ba.

Kết quả thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện giai đoạn 2020 - 2025

Thông báo kết luận nêu rõ, kết quả thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện giai đoạn 2020-2025 đã hoàn thành 6 mục tiêu đề ra về: (i) Tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản thanh toán tại ngân hàng; (ii) Tỷ lệ người trưởng thành có tiết kiệm gửi tại ngân hàng; (iii) Số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt; (iv) Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tại các tổ chức tín dụng; (v) Tỷ lệ người trưởng thành có thông tin về lịch sử tín dụng; (vi) Dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Các cơ quan, địa phương và đơn vị liên quan đã tích cực triển khai 5 nhóm giải pháp trọng tâm, trong đó tập trung vào hoàn thiện khung khổ pháp lý, mở rộng mạng lưới các tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài chính, phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính, chú trọng đầu tư, nâng cấp hạ tầng tài chính.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế như: Khuôn khổ pháp lý cho thúc đẩy tài chính toàn diện chưa đầy đủ, cần tiếp tục hoàn thiện; năng lực cung cấp dịch vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính còn hạn chế tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tập trung chủ yếu ở thành thị, vùng đông dân cư, vùng phát triển; hạ tầng tài chính chưa đồng bộ, cần tiếp tục được củng cố, nâng cấp; vấn đề an toàn, an ninh, bảo mật cần tiếp tục nâng cao; công tác truyền thông, giáo dục, nâng cao kiến thức, hiểu biết về tài chính và kỹ năng sử dụng dịch vụ tài chính cho người dân còn hạn chế.

95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng

Yêu cầu đặt ra trong thời gian tới là dự thảo Chiến lược cho giai đoạn 2026 - 2030 với trọng tâm là thúc đẩy tài chính toàn diện số, đồng thời xác định công nghệ là công cụ chủ chốt, tạo ra sự đột phá trong việc nâng cao mức độ tài chính toàn diện của Việt Nam với mục tiêu lớn nhất là đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ tài chính ngân hàng cho các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các đối tượng yếu thế, không có ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Tập trung, ưu tiên 6 nhóm đối tượng: Người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ gia đình có thu nhập thấp; học sinh, sinh viên; doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; phát triển hạ tầng chiến lược đồng bộ, bao trùm, toàn diện đi đôi với các đối tượng ưu tiên; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi cơ cấu trong quá trình thực hiện Chiến lược.

Các mục tiêu cụ thể bao gồm: 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng; giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GDP; ít nhất 30% người trưởng thành gửi tiết kiệm; ít nhất 300.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tại các tổ chức tín dụng; dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt từ 25%, ít nhất 75% người trưởng thành có thông tin về lịch sử tín dụng; doanh thu ngành bảo hiểm đạt quy mô khoảng 3,3-3,5% GDP.

Để đạt được các mục tiêu trên, Ban Chỉ đạo sẽ tập trung thực hiện các giải pháp: Hoàn thiện thể chế; phát triển đa dạng các tổ chức cung ứng; phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ; xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng; triển khai Chương trình giáo dục tài chính quốc gia; thúc đẩy tài chính bền vững; tăng cường an toàn thông tin, nhất là an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, lợi ích của người sử dụng nhất là chuyển đổi số; các giải pháp hỗ trợ khác.

Quy định Chiến lược có thể điều chỉnh đảm bảo đi vào thực chất, mang lại lợi ích, sự hưởng thụ của người dân, tiếp cận bình đẳng, hoạt động bao trùm, đầy đủ, hiệu quả cao, mang lại công bằng xã hội, vừa đảm bảo an sinh xã hội, vừa góp phần phát triển, xây dựng đất nước giàu, mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Hoàn thiện dự thảo Chiến lược tài chính toàn diện giai đoạn 2026 - 2030

Ban Chỉ đạo yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan liên quan chỉ đạo, điều phối, triển khai theo dõi, giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Chiến lược trong giai đoạn mới, báo cáo Ban Chỉ đạo.

Các thành viên Ban chỉ đạo chủ động thực hiện đầy đủ trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo, chỉ đạo bộ, ngành mình, rà soát, tập trung tổ chức triển khai Chiến lược sau khi được ban hành, phát huy tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên trong Ban Chỉ đạo, gắn bó, sâu sát với công việc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chậm nhất trong tháng 6 năm 2026.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp thu đầy đủ ý kiến của Ban chỉ đạo tại cuộc họp, hoàn thiện dự thảo Chiến lược tài chính toàn diện giai đoạn 2026-2030, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành trong tháng 3 năm 2026, đảm bảo tinh thần là tư tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, hành động phải quyết liệt, phân công phải bảo đảm "6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền"

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC PHONG TẶNG DANH HIỆU TIẾN SĨ DANH DỰ, GIÁO SƯ DANH DỰ

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 66/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; trong đó quy định rõ đối tượng, điều kiện được phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự, Giáo sư danh dự.

Điều kiện phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự

Nghị định quy định đối tượng được phong tặng là nhà giáo, nhà khoa học; nhà hoạt động chính trị, xã hội.

Để được phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự thì nhà giáo, nhà khoa học; nhà hoạt động chính trị, xã hội phải đáp ứng các điều kiện sau:

1- Nhà giáo, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam, được một cơ sở giáo dục đại học đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam căn cứ vào mức độ đóng góp với lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu thế mạnh hoặc định hướng phát triển của cơ sở giáo dục đại học và tiêu chí của cơ sở giáo dục đại học để phong tặng.

2- Nhà hoạt động chính trị, xã hội là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam, có uy tín quốc tế, có nhiều thành tích, công lao đóng góp cho tình hữu nghị, cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và được một cơ sở giáo dục đại học đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam căn cứ vào mức độ đóng góp với lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu thế mạnh hoặc định hướng phát triển của cơ sở giáo dục đại học và theo tiêu chí của cơ sở giáo dục đại học để phong tặng.

Quy trình phong tặng được quy định như sau:

Cơ sở giáo dục đại học tổ chức họp hội đồng khoa học và đào tạo để xem xét việc phong tặng bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện theo quy định theo quy định trên.

Căn cứ quyết nghị của hội đồng khoa học và đào tạo, giám đốc hoặc hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập ra quyết định phong tặng và tổ chức lễ trao tặng danh hiệu hoặc quyết định huỷ bỏ quyết định phong tặng (nếu có).

Căn cứ quyết nghị của hội đồng khoa học và đào tạo, giám đốc, hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập trình hội đồng trường xem xét, thông qua. Trên cơ sở nghị quyết của hội đồng trường, giám đốc hoặc hiệu trưởng ra quyết định phong tặng và tổ chức lễ trao tặng danh hiệu hoặc quyết định huỷ bỏ quyết định phong tặng (nếu có).

Trong trường hợp cần thiết, hiệu trưởng hoặc giám đốc cơ sở giáo dục đại học có văn bản đề nghị Bộ Công an hoặc Cơ quan đại diện của nước có người được đề nghị phong tặng có ý kiến về việc không vi phạm pháp luật của Việt Nam, pháp luật của nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Bằng Tiến sĩ danh dự phải ghi rõ danh hiệu "Tiến sĩ danh dự", không ghi "học vị Tiến sĩ"

Cơ sở giáo dục đại học đào tạo trình độ tiến sĩ thiết kế, in phôi, cấp phát và quản lý bằng Tiến sĩ danh dự. Bằng Tiến sĩ danh dự phải ghi rõ danh hiệu "Tiến sĩ danh dự", không ghi "học vị Tiến sĩ" và không ghi ngành đào tạo; công khai thông tin của người được phong tặng trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học và gửi quyết định phong tặng về Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản giấy hoặc bản điện tử) sau mỗi lần phong tặng để Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê, theo dõi việc phong tặng của các cơ sở giáo dục đại học.

Danh hiệu Tiến sĩ danh dự không được sử dụng thay thế học vị, học hàm trong giao dịch hành chính, học thuật, pháp lý. Không phong tặng đối với cá nhân đang bị truy cứu trách nhiệm pháp lý, đang có tranh chấp, khiếu nại nghiêm trọng liên quan đến đạo đức, uy tín khoa học.

Điều kiện phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự

Đối tượng được phong tặng là nhà giáo, nhà khoa học; nhà hoạt động chính trị, xã hội.

Để được phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự thì nhà giáo, nhà khoa học; nhà hoạt động chính trị, xã hội phải đáp ứng 2 điều kiện nêu trên, đồng thời phải có bằng tiến sĩ.

Quy trình phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự được thực hiện theo quy trình phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự.

Danh hiệu Giáo sư danh dự không được sử dụng thay thế học vị, học hàm trong giao dịch hành chính, học thuật, pháp lý

Nghị định nêu rõ Quyết định phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự phải ghi rõ danh hiệu "Giáo sư danh dự". Cơ sở giáo dục đại học công khai thông tin của người được phong tặng trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học và gửi quyết định phong tặng về Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản giấy hoặc bản điện tử) sau mỗi lần phong tặng để Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê, theo dõi việc phong tặng của các cơ sở giáo dục đại học.

Danh hiệu Giáo sư danh dự không được sử dụng thay thế học vị, học hàm trong giao dịch hành chính, học thuật, pháp lý. Không phong tặng đối với cá nhân đang bị truy cứu trách nhiệm pháp lý, đang có tranh chấp, khiếu nại nghiêm trọng liên quan đến đạo đức, uy tín khoa học.

Nguồn: baochinhphu.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Ngày 10/3/2026, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình ký Quyết định số 422/QĐ-TTg phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong hoạt động tố tụng hình sự và thi hành án hình sự.

Hiện đại hóa các cơ quan hoạt động tố tụng, thi hành án hình sự

Mục đích của Đề án là việc quản lý hồ sơ, tài liệu trong hoạt động tố tụng hình sự và thi hành án hình sự được triển khai thống nhất, liên thông trong toàn bộ các khâu (điều tra, truy tố, xét xử, thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự); bảo đảm yêu cầu an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu theo quy định.

Đề án được tổ chức triển khai theo mô hình mỗi ngành, cơ quan liên quan xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu điện tử tập trung, phù hợp chức năng, nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả quản lý, rút ngắn thời gian xử lý, tăng cường tính công khai, minh bạch, bảo đảm tuân thủ pháp luật, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Đề án hướng tới hiện đại hóa các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cơ quan thi hành án hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Hết Quý IV năm 2026 đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung tại Trung tâm Dữ liệu Quốc gia

Đề án đưa ra mục tiêu là đến hết Quý III năm 2026 là 100% các cơ quan, bộ, ngành tham gia Đề án (Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính) hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tập trung của từng ngành; nâng cấp, hoàn thiện phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành (điều tra; truy tố; xét xử; tạm giữ, tạm giam; thi hành án hình sự) đáp ứng yêu cầu số hóa hồ sơ, quản lý hồ sơ điện tử, tích hợp chữ ký số công vụ, sẵn sàng kết nối liên thông; thống nhất sử dụng mã hồ sơ điện tử duy nhất cho mỗi vụ án hình sự làm căn cứ quản lý xuyên suốt.

Đến hết Quý IV năm 2026, hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung tại Trung tâm Dữ liệu Quốc gia làm nền tảng trung gian điều phối, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan trong toàn bộ quy trình tố tụng hình sự và thi hành án hình sự; quản lý danh mục và trạng thái dữ liệu chia sẻ liên ngành (hồ sơ vụ án, quyết định tố tụng, lịch xét xử, bản án, quyết định thi hành án...); đồng bộ tự động theo phân quyền và cảnh báo, nhắc việc khi phát sinh cập nhật; bảo đảm thông tin liên thông được ký số, ghi nhật ký đầy đủ, đúng thẩm quyền, an toàn và bảo mật.

Vận hành toàn trình tố tụng hình sự trên toàn quốc vào cuối năm 2027

Đến hết năm 2027, triển khai trên phạm vi toàn quốc, bảo đảm vận hành toàn trình tố tụng hình sự và thi hành án hình sự trên môi trường số, đạt các chỉ tiêu: 100% tài liệu, hồ sơ vụ án hình sự đủ điều kiện được số hóa và quản lý thống nhất trong hồ sơ điện tử; văn bản tố tụng được tạo lập điện tử và ký số ngay khi ban hành, tài liệu giấy/chứng cứ được số hóa và gắn vào hồ sơ điện tử; hồ sơ giấy chỉ lưu theo yêu cầu bắt buộc để đối chiếu/kiểm tra.

100% tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; 100% văn bản điện tử đủ điều kiện được ký số theo thẩm quyền, ghi nhật ký đầy đủ, bảo đảm tính toàn vẹn và giá trị pháp lý.

100% hệ thống thông tin trong phạm vi Đề án được triển khai biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; dữ liệu bí mật nhà nước được bảo vệ theo quy định cơ yếu, quản lý truy cập theo phân quyền và lưu vết đầy đủ.

Bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của từng ngành, từng lĩnh vực

Để đạt được mục tiêu trên, Đề án triển khai hoàn thiện môi trường pháp lý; xây dựng hạ tầng kỹ thuật; nâng cấp hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu; triển khai chữ ký số và số hóa hồ sơ điện tử; bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin; đào tạo và triển khai áp dụng.

Trong đó, mỗi bộ, ngành, cơ quan liên quan đến hoạt động tố tụng tận dụng tối đa hạ tầng kỹ thuật hiện có; xây dựng, hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, bảo đảm kết nối đồng bộ, thống nhất giữa các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của từng ngành, từng lĩnh vực. Hạ tầng trung tâm dữ liệu được chuẩn hóa về máy chủ, hệ thống lưu trữ, sao lưu - khôi phục, thiết bị mạng, thiết bị an toàn thông tin, kèm nguồn điện dự phòng (UPS), hệ thống điều hòa, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các thiết bị phụ trợ khác; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, vận hành ổn định, lâu dài.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu nội bộ được thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về tích hợp, liên thông, đáp ứng đầy đủ yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật; sử dụng nền tảng điều phối, chia sẻ dữ liệu tại Trung tâm Dữ liệu Quốc gia làm hạ tầng trung gian để kết nối, chia sẻ dữ liệu ngành.

Nâng cấp phát triển các phần mềm

Về phần mềm, Bộ Công an nâng cấp và phát triển phần mềm Điều tra hình sự phục vụ toàn bộ quy trình điều tra; tích hợp chữ ký số; chuẩn hóa dữ liệu; bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống; đáp ứng đầy đủ chức năng cho các Cơ quan điều tra và Cơ quan được giao một số hoạt động điều tra trên toàn quốc (bao gồm lực lượng thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi chức năng); nâng cấp phần mềm quản lý tạm giữ, tạm giam và phần mềm quản lý thi hành án hình sự bảo đảm tích hợp chữ ký số, chuẩn hóa dữ liệu, bảo mật hệ thống; đáp ứng yêu cầu kết nối và phục vụ cả cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cơ quan thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng theo cơ chế phối hợp.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao nâng cấp, hoàn thiện phần mềm nghiệp vụ kiểm sát, truy tố, tích hợp chữ ký số; chuẩn hóa dữ liệu; bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống; triển khai thống nhất đến các đơn vị trong ngành, bao gồm Viện kiểm sát quân sự.

Tòa án nhân dân tối cao nâng cấp, hoàn thiện phần mềm quản lý vụ án, vụ việc phục vụ xét xử, tích hợp chữ ký số; chuẩn hóa dữ liệu; bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống; triển khai thống nhất đến các cấp Tòa án, bao gồm Tòa án quân sự.

Về Cơ sở dữ liệu, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu hồ sơ điện tử tập trung của từng ngành, lưu trữ trên hạ tầng máy chủ

của từng ngành (trong đó bao gồm cơ sở dữ liệu của cơ quan điều tra, cơ quan được giao một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan thi hành án hình sự).

Số hóa toàn bộ tài liệu

Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cơ quan thi hành án hình sự số hóa toàn bộ tài liệu, văn bản phát sinh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Mỗi văn bản (biên bản hỏi cung, lời khai, kết luận giám định, cáo trạng, bản án, quyết định thi hành án hình sự...) được tạo lập dưới dạng điện tử và được ký số ngay khi ban hành theo quy định. Đối với chứng cứ vật chất hoặc tài liệu giấy, phải quét (scan) thành tệp điện tử và gắn vào hồ sơ điện tử...

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN 2050, TẦM NHÌN ĐẾN 2075

Ngày 11/3/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà ký Quyết định số 423/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 (Quy hoạch).

Mục tiêu của Quy hoạch nhằm xây dựng phát triển Hải Phòng trở thành đô thị biển hiện đại, thông minh, có sức hút lan tỏa, khả năng cạnh tranh quốc tế; phát triển cân bằng giữa kinh tế - xã hội - môi trường; là hình mẫu về quản trị phát triển đô thị bền vững có bản sắc, bảo vệ tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đồng thời, cụ thể hóa các định hướng phát triển thành phố Hải Phòng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và vùng; làm cơ sở pháp lý quan trọng về quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; hoạch định các chính sách, kiến tạo các động lực phát triển; làm cơ sở cho việc lập, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, chương trình phát triển đô thị và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

Bên cạnh đó, tạo lập nền tảng không gian và hạ tầng cho phát triển các đô thị, các trung tâm về văn hóa, kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; nâng cao năng lực liên kết vùng, kết nối quốc gia và quốc tế.

Tổng diện tích tự nhiên lập quy hoạch khoảng 3.194,72 km²

Theo phê duyệt, phạm vi quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính của thành phố Hải Phòng sau sáp nhập (theo Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) và khu vực không gian biển có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm 114 đơn vị hành chính cấp xã.

Tổng diện tích tự nhiên lập quy hoạch khoảng 3.194,72 km² (theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp Tỉnh), bao gồm phần đất liền, khu vực đảo ven bờ và biển đảo.

Về quy mô dân số, dự kiến đến năm 2040, tổng quy mô dân số toàn thành phố là khoảng 6,50 - 6,80 triệu người (trong đó dân số thực tế thường trú khoảng: 5,20 - 5,50 triệu người). Dự kiến đến năm 2050, tổng quy mô dân số toàn thành phố là khoảng 8,50 - 9,50 triệu người (trong đó dân số thực tế thường trú khoảng: 7,50 - 8,00 triệu người).

Về quy mô đất đai, dự báo đất xây dựng toàn đô thị (chưa bao gồm đất dành cho công trình hạ tầng đầu mối quy mô lớn) đến năm 2040 là khoảng 100.000 - 120.000 ha; đến năm 2050 là khoảng 160.000 - 180.000 ha.

8 yêu cầu trọng tâm đối với quy hoạch

Quyết định đưa ra 8 yêu cầu trọng tâm đối với quy hoạch chung như sau:

1. Nghiên cứu phát triển thành phố Hải Phòng trong mối liên kết chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trong vùng động lực phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô Hà Nội; làm rõ vai trò của Hải Phòng là cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ giao thương quốc tế của khu vực.

Đồng thời, định hướng tổ chức không gian và hạ tầng bảo đảm phát huy vai trò liên kết vùng, tăng cường tính bổ trợ và phân công chức năng giữa Hải Phòng với các đô thị lớn trong vùng.

2. Rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt; xác định các nội dung kế thừa, các tồn tại, hạn chế và những vấn đề chưa phù hợp trong bối cảnh phát triển mới và sau sáp nhập đơn vị hành chính.

Nghiên cứu cập nhật, tích hợp các chủ trương, định hướng của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành có liên quan; tổ chức không gian phát triển đồng bộ giữa khu vực phía Đông và phía Tây thành phố Hải Phòng.

3. Nghiên cứu định hướng phát triển khung hạ tầng giao thông và các đầu mối vận tải đa phương thức tại các khu vực động lực kinh tế, gắn với hệ thống cảng biển, cảng hàng không, đường sắt quốc gia và mạng lưới giao thông thủy.

Đồng thời, làm rõ vai trò của tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Đông Anh - Gia Bình - Hạ Long; nghiên cứu mạng lưới đường sắt đô thị, mô hình phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD) tại các khu vực trọng điểm; bảo đảm kết nối đồng bộ với các tỉnh trong vùng Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng theo từng giai đoạn.

4. Nghiên cứu định hướng phát triển không gian đối với các khu vực trọng điểm của thành phố, trong đó tập trung tái thiết, chỉnh trang các khu đô thị cũ và khu vực trung tâm lịch sử, bao gồm khu phố cũ phía Đông (thành phố Hải Phòng cũ), khu phố cũ phía Tây (thành phố Hải Dương cũ); nghiên cứu tổ chức không gian và trục kết nối các cụm phường với khu vực trung tâm hành chính thành phố.

Bên cạnh đó, định hướng quy hoạch khung tự nhiên và thiết kế đô thị - cảnh quan đối với các không gian mặt nước ven sông, ven biển; xác định rõ các khu vực bảo tồn sinh thái, vùng đệm chuyển tiếp và khu vực phát triển có kiểm soát, đặc biệt là vùng núi Chí Linh - Côn Sơn,

quần đảo Cát Bà, vùng trũng ven biển và hệ thống rừng ngập mặn; định hướng trục không gian đô thị hai bên sông Cấm.

Bảo tồn, phát huy các giá trị kiến trúc đô thị; nghiên cứu mối quan hệ giữa không gian biển với hệ thống cảng biển (Lạch Huyện, Nam Đồ Sơn), không gian du lịch và các khu vực bảo tồn sinh thái biển.

5. Nghiên cứu định hướng phát triển mạng lưới khu, cụm công nghiệp và dịch vụ logistics theo hướng hiện đại, chuyên sâu, tích hợp với hạ tầng giao thông và các đầu mối vận tải đa phương thức; bảo đảm hiệu quả sử dụng đất, kiểm soát môi trường và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế biển.

6. Đề xuất các mô hình phát triển nông nghiệp tập trung, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao gắn với vùng sản xuất nông nghiệp đặc sản; định hướng tổ chức không gian cư trú nông thôn phù hợp với quá trình đô thị hóa, bảo đảm sinh kế bền vững và gìn giữ bản sắc nông thôn.

7. Định hướng phát triển không gian ngầm và hạ tầng kỹ thuật theo quy định pháp luật, trong đó yêu cầu tập trung bổ sung, nghiên cứu sâu và tham khảo kinh nghiệm quốc tế vào các chuyên đề: Hệ thống đường sắt đô thị và mô hình TOD; quy hoạch và khai thác hiệu quả không gian ngầm đô thị; giải pháp phát triển đô thị thông minh gắn với hạ tầng thông tin, khoa học và công nghệ; hệ thống vận tải đa phương thức và logistics; mạng lưới giao thông thủy nội vùng; luận chứng xác định vị trí, quy mô các cảng hàng không; hệ thống bãi đỗ xe tại các khu vực có mật độ dân cư và hoạt động cao; phát triển vận tải công cộng bằng xe buýt gắn với chuyển đổi xanh; giải pháp tăng cường khả năng chống chịu trước thiên tai và biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn cung cấp nước, bảo vệ nguồn nước và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, năng lượng xanh.

Đồng thời, giải quyết các tồn tại, bất cập về giao thông chồng chéo giữa giao thông đối nội và đối ngoại; nghiên cứu bố trí bến xe đối ngoại, tổ hợp đa chức năng gắn với các đầu mối giao thông và logistics; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung còn thiếu như nhà máy nước, cơ sở xử lý rác thải, nước thải, nhà tang lễ, nghĩa trang.

Ngoài ra, thống nhất, đồng bộ dữ liệu dự báo và định hướng phát triển; bảo đảm liên thông với Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch ngành, quy hoạch chuyên ngành đang triển khai.

8. Đề xuất các giải pháp phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, chất lượng cao; giải quyết các vấn đề môi trường đô thị và nông thôn, hướng tới phát triển bền vững.

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Quyết định của Bộ Chính trị**

Thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026 - 2031. Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026 - 2031 là cơ quan thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Thành phần Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm:

Chủ tịch Hội đồng: Ông Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Ông Đoàn Minh Huấn, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Phó Chủ tịch thường trực); Ông Lê Văn Lợi, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Tổng Thư ký).

*** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

- Quyết định số 399/QĐ-TTg, bổ nhiệm ông Trần Hồng Thái, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam giữ chức Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Quyết định số 425/QĐ-TTg, tiếp nhận, bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Quyên Thanh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long giữ chức Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 415/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Dương Văn Lượng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy phường Phan Đình Phùng.

- Quyết định số 398/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Phước Thiện, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Sa Đéc.

- Quyết định số 427/QĐ-TTg, về kiện toàn Ủy ban Quốc gia về trẻ em (gọi tắt là Ủy ban). Chủ tịch Ủy ban là Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long.

Phó Chủ tịch Ủy ban gồm: Bộ trưởng Bộ Y tế Đào Hồng Lan (Phó Chủ tịch thường trực) và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các Ủy viên Ủy ban gồm: Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Tri Thức (Ủy viên thường trực); Thứ trưởng Bộ Công an Nguyễn Văn Long; Thứ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Thị Bích Ngọc; Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Thị Hà; Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đặng Hoàng Oanh; Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Trịnh Thị Thủy; Thứ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Y Vinh Tơr; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Đỗ Ngọc Huỳnh; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Nguyễn Văn Tiến; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao Nguyễn Quang Dũng; Phó Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam Đỗ Thanh Hải; Phó Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam Phạm Mạnh Hùng; đại diện Lãnh đạo Ủy ban Trung

ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Thái Thu Xương; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Nguyễn Thị Thu Hiền; Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Nguyễn Phạm Duy Trang; Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam Nguyễn Thị Thanh Hòa.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn